

MÈO HAY THỎ

VĂN BA

Năm Mão người Việt Nam gọi là năm mèo, người Trung Hoa cho là năm thỏ. Tôi nhớ mang máng cách nay trên năm mươi năm, một nhà báo Sài Gòn có đưa ra giả thuyết là theo một học giả Trung Hoa thời xưa thì mèo là thỏ. Mong các nhà khảo cổ Việt Nam đương thời thông thạo Hoa văn tìm xem học giả Trung Hoa ấy là ai.

Người Trung Hoa thích ăn thịt mèo. Ngày chúng tôi sang Quảng Châu cách đây mười năm, thấy trong chợ bán đầy mèo con nhốt trong lồng sắt, mỗi lồng chứa độ bốn năm chục con. Anh hướng dẫn viên người Trung Hoa cho biết là mèo bán để ăn thịt. Một món đặc biệt của Quảng Đông là mèo nấu với rắn gọi là «Hổ Long giao chiến» (Bataille entre Tigre et Dragon). Có người trong bọn du khách chúng tôi phản nản, thì anh hướng dẫn viên trả lời: « Ở Âu Châu các ông ăn thịt ngựa, còn ghê tởm hơn ».

Người Việt Nam không ăn thịt mèo, nhưng thịt thỏ thì không từ chối. Người ăn thịt thỏ nhiều nhất mà tôi được biết là anh Trần, anh họ của tôi. Anh hơn tôi mười tuổi. Bác tôi là địa chủ giàu «nức đố đố vách», tranh được chức « Hội đồng » rồi lên « Huyện ». Tiền tài, danh vọng, lại thêm quý tử: anh Trần cao lớn, đẹp trai, thông minh, hiếu học. Đồ tú tài đôi năm 19 tuổi, đôi cha mẹ cho sang Pháp du học.

Bác gái thì nhất định không chịu: «Cho nó đi Hà Nội học luật cho gần, mỗi năm nó về thăm nhà tôi mới yên lòng ».

Anh Trần cãi lại: « Trường Luật Hà Nội ai vào học cũng được. Sinh viên không có tú tài cũng được vào học*. Trình độ như thế thấp kém lắm. Và lại tôi muốn học đến tiến sĩ luật, trường Luật Hà Nội chỉ có đến cử nhân ».

Bác trai mơ ước cho con một địa vị cao xa hơn trong xã hội. Con hơn cha là nhà có phước. Đang phân vân chưa biết tính sao thì có người mách bác kể hay là mời thầy bói đoán cho một quẻ. Thầy bói nhìn anh Trần, hỏi ngày giờ năm tháng sanh, coi chỉ tay rồi gieo quẻ: « Cậu này ngày sau sẽ là tột lương đồng của triều đình, một cột trụ của giang sơn. Cung mạng tuyệt hảo, có quới nhân phù hộ. Vượt bể trôi non lên nguồn xuống thác, lúc nào cũng gặp may ».

Bác gái mừng quá, thốt lên: «Thường cho thầy một trăm đồng bạc!».

Bác trai còn thắc mắc: «Thầy xem bên Âu Châu những năm sắp đến có được yên không?»

- « Điều này tôi phải xem thiên văn tối nay. Ngày mai trả lời ».

Trước khi từ giã, thầy ngập ngừng hỏi: «Âu Châu ở về hướng nào nhỉ?»

- « Thưa thầy hướng Tây!»

Hôm sau thầy đến đem tin mừng: « Âu Châu đang ở vào một giai đoạn thái bình thanh trị ».

Bác gái mừng rỡ, thường thầy một trăm đồng nữa. Ai nấy yên lòng và anh Trần sắp sửa hành lý xuống tàu đi Pháp. Bác trai là người cẩn thận lo xa, cho con xuống Montpellier miền Nam nước Pháp khí hậu ôn hòa hợp với người Việt. Bác gửi một số tiền to tát vào nhà băng Pháp để nếu rủi ro có chiến tranh thì anh Trần vẫn có thể sống dư giả trong mười năm.

Hai tháng sau, gia đình được thư anh Trần cho biết rằng anh ngụ tại « Pension Dupont » (Chez Dupont tout est bon). Ông Dupont chủ nhà trọ rất tử tế, lo việc ăn ở cho anh rất chu đáo, và anh đã ghi tên vào trường Luật. Hai bác an lòng, thì những tin không tốt dồn dập hiện trên mặt báo: « Nước Đức thôn tính nước Áo ». « Nước Đức xâm chiếm Ba Lan ».

Nước Pháp xây chiến lũy Maginot, một công trình vĩ đại. Tướng Gamelin thách quân Đức:

«Ai dám tấn công chiến lũy Maginot, tôi sẽ thưởng một triệu quan!». Các báo ca tụng chiến lũy Maginot không ngớt. Học sinh tiểu học như bọn chúng tôi chưa hơn mười tuổi mà cũng nghe tiếng. Giờ chơi, ở sân trường, học sinh chúng tôi lượm đá, cây, mô đất, xây chiến lũy Maginot và chia làm hai tốp: một tốp giả làm quân đội Đức, một tốp làm quân đội Pháp. Đức tấn công, Pháp phòng thủ. Một hôm « quân Đức » quá hung hăng tràn qua chiến lũy và reo lên: «Chiến lũy Maginot bị thủng!». Thầy giáo đang ngồi trong lớp chạy ra hét lớn: « Chúng bay muốn bị tù một gông hả?! Lừa trò khác mà chơi!».

Chiến lũy Maginot không hề bị thủng, nhưng quân đội Đức tràn qua Pháp như nước vỡ bờ. Tin giạt gân trên các báo: «Thành phố Amiens và thành phố Arras đã vào tay quân địch!». Bác gái khóc hu hu: « Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết. Liệu con tôi có tránh được làn tên mũi đạn không đây? ».

Bác gái đang rầu buồn, thì vài hôm sau bác trai hơn hờ báo tin: «Thống chế Pétain đã ký hòa ước với Đức. Đức chiếm đúng nửa trên nước Pháp, nửa dưới là vùng tự do, có chi mà phải lo sợ».

Rồi Nhựt vào Đông Dương, ít lâu sau lật

đổ chính phủ Pháp và gây trận đói kinh khủng ở miền Bắc. Kế đó, Đồng Minh đổ bộ lên đất Pháp, đánh lui Đức. Đức đầu hàng nhưng Nhựt chưa đầu hàng.

Bác gái cứ than thở: « Biết bao giờ hết giặc cho con tôi trở về? ».

Bác trai an ủi: « Theo lời sấm Trạng Trình năm nay là hết giặc: Thân Dậu niên lai kiến thái bình ».

- « Năm nay là năm Dậu rồi đó ông ơi! »

- « Nhưng phải chờ đến tháng Thân Lôi sấm rành rành: Tháng Thân năm Dậu là hòa bình!»

Và đúng như thế, tháng Thân năm Dậu thì Nhựt đầu hàng Đồng Minh.

Nhưng thái bình chẳng thấy. Loạn lạc lại bị đất hơn. Hai bác suýt lâm tai nạn, phải tản cư lên Sài Gòn, sống chật vật, nhưng rất vui mừng nhận được tin con trai đã xong Tiến sĩ Luật và sắp về nước.

Ngày anh Trần về nước, tuy hai bác không còn giàu có như ngày xưa, nhưng cũng làm tiệc đãi họ hàng. Tôi nhận thấy anh Trần tươi thắm hồng hào, hỏi thì anh cho biết không hề bị thiếu thốn về vật chất trong lúc chiến tranh ở Âu Châu. Mặc dầu thực phẩm bị hạn chế, nhưng có tiền anh mua chợ đen nên lúc nào cũng no bụng. Ông Dupont chủ nhà trọ bàn với anh nếu muốn



ăn thêm thịt thỏ, thì ông bảo một chủ trại ở nhà quê mỗi tuần đem ra một con thỏ, nhưng phải trả tiền rất đắt. Anh đồng ý và mỗi sáng chủ nhựt, một người nhà quê đi xe đạp đem rau cải và một con thỏ đến nhà trọ Dupont. Ông chủ nhà gọi anh xuống xem con thỏ béo tốt, và nói bà bếp sẽ nấu civet hay chiên moutarde tùy sở thích của anh.

Bà con không ngớt lời khen anh, và ước mong anh được một ghế bộ trưởng: một người làm quan, cả họ được nhờ. Nhưng ghế bộ trưởng rất hiếm. Nhờ người quen tiền cũ, anh Trần được tung sự tại bộ ngoại giao.

Mười năm sau, nhân dịp đi công cán tại Pháp, sau khi xong công việc, anh nhớ tới ông Dupont và thầm nghĩ: « Phải xuống Montpellier thăm ông Dupont, và cảm ơn ông ta ».

Anh trở lại « Pension Dupont » thì quán trọ đã đổi tên thành « Chez Hubert ». Ông Dupont đã về hưu lâu rồi, và chính bà đầu bếp Hubert đã mua lại cơ sở.

- « Tiếc quá không được gặp ông Dupont để hàn huyên chơi và cảm ơn ông. Tôi còn nhớ mãi trong lúc hạn chế thực phẩm mà mỗi chúa nhựt được ăn thịt thỏ, thật là quý hóa ».

Bà Hubert bật cười dòn:

- « Ông bị ông Dupont gạt mà không ai dám nói. Thỏ đầu mà làm cho ông ăn. Thịt mèo đó ông ơi! Tại sao ông không nhìn kỹ. Chỉ có một con thỏ do người cháu ông Dupont chúa nhựt nào cũng đem ra rồi đem về. Còn mèo thì quanh đây hiếm chi ! ».

Anh Trần nghe xong mửa mật xanh, nổi mề đay đầy mình và kêu ngoao ngoao như mèo. Anh định tìm ông Dupont để trị một trận, nhưng ông Dupont về hưu tận trong miền núi Pyrénées, và anh Trần thời gian công tác cũng hết hạn đành quay về Việt Nam.

Văn Ba (Paris)

* Ai cũng vào học được là cấp «Capacité en droit», cấp cử nhân thì phải có bằng tú tài mới được ghi tên vào học. Các đại học luật bên Pháp cũng như vậy. Anh Trần chỉ nói nửa sự thật!

GỬI BẠN CAO NIÊN

Đôi lời gửi bạn tuổi cao hay,
Ta sống một ngày lãi một ngày.
Nhưng biết thế nào là sống lãi ?
Cho thời vàng lão nhẹ nhàng bay.

Những ngày sống lãi ở trên đời,
Là những hồng ân, chớ lãng chơi.
Nên gắng tu thân và tích đức,
Tận dùng nhân cảnh tạo đời tươi.

Chết rồi thân xác rửa tan mau.
Vĩnh cửu hồn linh thật nhiệm màu.
Bác ái, thương người, thờ phụng Chúa.
Ăn năn, đền tội, đẹp đời sau.

Nay đang vui tuổi cổ lai hy,
Gân cốt hao mòn khó bước đi,
Nhưng vẫn không quên lê gót tới
Thánh đường cầu Chúa, Mẹ từ bi.

Những điều cảm nghĩ kể trên đây,
Ao ước từ lâu được tỏ bày,
Cùng những vần thơ từng phổ biến,
Nhắc lời răn dạy Chúa cho hay.

**Phượng Du -
Nguyễn Bá Hộ**

(Paris)

Con Đường Văn Hóa Việt Nam

Nguyễn Văn Nhiệm

(Tiếp theo kỳ trước)

Các loại Triết học duy lý đều là nhị nguyên của lý trí, có tính cách phân ly chia cách, dựa trên một số định đề do chính mình đặt ra chỉ có giá trị hạn định, mà tưởng chừng như là chân lý tuyệt đối, trong khi đó lại chưa hề đề ý đến vai trò của vô thức, tiềm thức, là cơ năng tiềm tàng nhưng lại có khả năng dẫn dắt con người tới nguồn sống vũ trụ mệnh mông.

Trên con đường triết lý từ Tây sang Đông, không thể nào không ghé qua Ấn Độ huyền bí để tìm hiểu phương pháp suy tư *Vô nhị*. Vì Nhị nguyên đưa đến giải pháp chọn mặt này, bỏ mặt kia, làm mất mối liên hệ nội khởi, cơ thể của vạn vật, đi ngược lại với tính bản nhiên của thực tại có tính cách toàn thể là lưỡng nhất tính, cho nên thuyết Vô nhị chủ trương không có hai, vạn vật phải đồng nhất thể, một thực thể ở bình diện khác và cao hơn bình diện thường nghiệm. Những gì sai biệt, đa tạp trên đời chỉ là huyền tướng, ảo mộng (thuyết Maya). Cùng một thuyết Vô nhị mà có hai cách thái hiệu và hành khác nhau:

Thái độ tiêu cực coi mọi sự vật, mọi hiện tượng là huyền ảo, không có thực, nên đưa đến việc coi thường cuộc sống ở đời.

Thái độ tích cực chấp nhận sự dị biệt, đa tạp ở đời, coi như là *Tục đế*, là những sắc thái phong phú biến hiện từ một thực thể Brahma thuộc *Chân đế*. Phật giáo Đại thừa đại diện cho thái độ tích cực này trong hạnh Bồ Tát. Bồ Tát khi đã đắc đạo, thay vì nhập Niết Bàn, thì lại trở về với vòng sanh tử luân hồi để cứu độ chúng sinh ở thế gian. Như vậy tu đạo là hướng về Chân đế mà

cũng không loại bỏ Tục đế, bởi vì cả hai có liên hệ khăng khít với nhau theo cái lẽ vừa *hằng* vừa *chuyển*. Kinh Phật cũng có nói: „*Ly hiện tướng vô bản thể, ly bản thể vô hiện tướng*“.

Nói chung, thái độ tiêu cực thắng thế ở Ấn Độ, thái độ tích cực bị đẩy ra ngoài và phát triển ở Á Đông, đến Việt Nam thì thị hiện thành Thiền phái Thảo Đường đời Lý và Trúc Lâm đời Trần, mà tư tưởng còn lưu lại rất rõ qua “ *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ* “ của Vua Trần Thái Tông: “ *...trong hang qui mà là lâu đài Di Lạc, dưới núi tôi có cảnh giới không khác của Phổ Hiền, nơi nơi tạc lớn sáng rực, Chân Tính là Môn Pháp Không Hai* “ và qua “ *Cư trần lạc đạo phú*“ của vua Trần Nhân Tông: “ *Cư trần lạc đạo thả tùy duyên...*“ (Ở đời vui đạo hãy tùy duyên...) nhà vua đã kết hợp hài hòa, quân bình giữa hai lãnh vực “ *ở đời* “ và “ *vui đạo* “ theo tinh thần triết lý lưỡng nhất của Việt Lý.

Do cơ duyên nào mà thái độ tích cực nói trên, tức cây Đại thừa lại đâm chồi nảy lộc ở Á Đông nói chung và ở quê hương Việt Nam nói riêng như vậy? Xin thưa ngay là nhờ mảnh đất phì nhiêu nơi đây. Mà mảnh đất có phì nhiêu thì cây cối mới nở hoa Minh triết, vạn vật mới sinh hóa, còn nơi nào đất khô cằn thì làm sao có thể có sự sống sung mãn được, mà trái lại đó chỉ là môi trường của sự diệt sinh, dẫn đến tư tưởng tị thế. Thật vậy, từ hàng ngàn năm trên những vùng đất phì nhiêu cõi Á Đông đã nảy nở những bông hoa Minh triết, đặc trưng cho nền văn hóa nông nghiệp truyền thống. Nơi đây trời, đất, vạn vật, con người đều hòa hợp trong một môi trường sống, trong một sinh thái theo kiểu cơ thể.

Tinh hoa tư tưởng trong văn hóa Đông phương hầu hết nằm trong Kinh Dịch. Hệ Từ Thượng có câu:

“*Dịch hữu Thái Cực, thị sinh Lương Nghi, Lương Nghi sinh Tử Tượng, Tử Tượng sinh Bát Quái*”

Như vậy, Dịch là quá trình đại biến hóa vũ trụ, vạn vật, mà khởi đầu là Thái Cực. Thái Cực là Nguyên Khí, là khí tiên thiên vô cùng tận, rất huyền diệu, trong đó đã tiềm phục hai nguyên lý Âm Dương. Hai nguyên lý này ràng buộc lẫn nhau trong một thể thống nhất là Thái Cực dù là vật cực nhỏ (tiểu vũ trụ) hay cực lớn (đại vũ trụ) như Kinh Dịch đã xác nhận: “*Nhân nhân vật vật các hữu thái cực*” nghĩa là người người vật vật mỗi thứ tự nó đều có Thái Cực. Ngay mỗi Nghi của Lương Nghi cũng lại là một Thái Cực rồi, nghĩa là trong Âm đã chứa sẵn mầm Dương và trong Dương đã có mầm Âm. Cho nên hai nguyên lý Âm Dương quện lấy nhau, thâm thấu lẫn nhau trong cuộc sinh hóa bất tận như ý nghĩa của câu nói ở Hệ Từ Thượng: “*Nhất tân chi vị thịnh đức, sinh sinh chi vị Dịch*”, nghĩa là ngày một mới là đức thịnh, sinh rồi lại sinh gọi là Dịch.

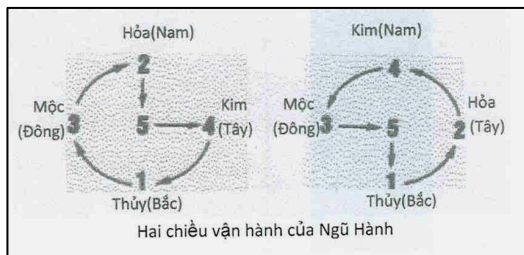
Hệ Từ cũng nói: “*Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, kế chi giả thiện dã, thành chi giả tinh dã*” : một Âm một Dương là Đạo, tiếp theo Đạo là Thiện, thành được cái Đạo đó là Tinh, nghĩa là thực hiện được sự hòa hợp hai đầu mỗi Âm Dương.

Như vậy Thành Tinh là theo Đạo Trung Dung giữa Âm và Dương, giữa Thiên và Địa, mà con người là yếu tố Hòa giữa Âm Dương, Thiên Địa, có địa vị cao cả trong hệ thống Tam Tài.

Khai triển thêm bước nữa thì có Ngũ Hành, rồi Hồng Phạm Cửu Trù.

Khác với quan niệm Tứ Đại của Ấn và Hy Lạp, ở Ngũ Hành thì Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ không phải là năm nguyên tố vật chất, mà là những khuynh hướng vận hành của thể lực như ý nghĩa của chữ Hành. Chữ Ngũ cũng có ý nghĩa rất quan trọng, mang cơ số 5 là tổng số

của 3 và 2, tức “*tham thiên lưỡng địa*” trong tương quan 3 Trời, 2 Đất. Ngũ là Hành Thổ ở Trung Cung, không có phương hướng riêng, nên rất thần diệu, có khả năng điều hợp, hòa giải các Hành kia, cho nên đó là Tiềm thể tâm linh siêu việt vậy. Các Hành Kim Mộc, Thủy Hỏa chẳng qua là khai triển rộng của Âm Dương mà thôi. Nếu chỉ chạy loanh quanh ở vòng ngoài vật chất hữu hình là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa thì còn nhiều mâu thuẫn, chỉ khi nào hồi tâm quay về với nội giới để duy trì tính lưỡng nhất là “*hợp nội ngoại chi đạo*” thì mọi mâu thuẫn mới biến mất. Hệ Từ Thượng nói: “*An thổ đôn hồ nhân có năng ái*”, nghĩa là có vào tới Trung Cung mới “*an thổ*”, rồi “*năng ái*”.



Hồng Phạm Cửu Trù là những phép lớn, lược đồ lý tương, tiêu chuẩn mẫu mực nguyên nguyên nhằm đem Đạo (Hồng Phạm) vào Đời với chín khu vực, bờ mốc (Cửu Trù), hướng dẫn cuộc sống sao cho hòa hợp với nhịp điệu tự nhiên của Trời Đất để có Hạnh Phúc. Cũng như ở Ngũ Hành, bốn Hành qui về Hành Thổ ở Trung Cung, thì ở Hồng Phạm Cửu Trù, tám Trù qui về Hoàng Cực như trung tâm quân bình, là chỗ chỉ trung giữa Trời và Đất.

Hồng Phạm có viết: “*Duy thiên âm trất hạ dân. Tương hiệp quyết cư*”: Chỉ trời ngằm ban xuống cho dân ở hạ giới. Cùng dân hợp ở một chỗ.

Trời ngằm ban xuống, cho nên không thể hiểu bằng lý trí thông thường mà phải hiểu bằng tâm. Tâm đó là tâm thanh tịnh, trống rỗng, không bị che lấp bởi tư ý, tư dục, trở thành linh diệu, nên gọi là Tâm Linh, tức là Minh Đức, là cái Đức của

Tâm Siêu Việt có chiều kích vô biên. Rồi những cái cũng có chiều kích vô biên như vậy mới hội thông nhau, lúc đó mới có hy vọng quán thông thiên địa vạn vật vào Nhất Thế.

Ở Triết lý nhân sinh, tâm vươn tới bình diện Nhân bản tâm linh, con người được chọn làm bản gốc, là trung tâm qui chiếu, hòa giải các thế lực ngoại tại, có khả năng thiết lập mỗi tình nhân loại phổ biến, tạo cảnh Thái Hòa cùng khắp.

Ngũ Phúc		
Ngũ Kỹ	Lục Cực	Ngũ Sự
4	9	2
Lịch số	Thường phạt	Hiện tượng nội giới
Bát Chính	Hoàng Cực	Kê Nghi
3	5-10	7
Tổ chức Quốc Gia	Trung tâm vũ trụ	Chiêm nghiệm
Thứ Trung	Ngũ Hành	Tam Đức
8	1	6
Thời tiết	Hiện tượng ngoại giới	Xử thế tiếp vật

Biểu đồ ma phương của Hồng Phạm Cửu Trù

Hà Đồ, Lạc Thư: Hệ Từ Thượng có ghi:

“Hà xuất đồ, Lạc xuất thư”.

Tục truyền, đời Phục Hy, có con long mã nổi lên ở sông Mạnh Hà, trên lưng có những điểm đen trắng được phân phối như sau:

2 đen, 7 trắng ở phía trước.

1 trắng, 6 đen ở phía sau.

3 trắng, 8 đen ở bên trái.

4 đen, 9 trắng ở bên mặt.

5 trắng, 10 đen ở chính giữa.

Còn Vua Đại Vũ, sau khi trị thủy, thấy rùa thần hiện lên ở sông Lạc, trên lưng có đồ hình gồm những vạch được phân bố như sau:

9 vạch ở gần đầu.

1 vạch ở gần đuôi.

3 vạch ở gần sườn bên trái.

7 vạch ở gần sườn bên mặt.

4 vạch ở gần vai trái.

2 vạch ở gần vai mặt.

8 vạch ở gần chân trái.

6 vạch ở gần chân mặt.

5 vạch ở chính giữa.

Các vị thánh triết nhân đó mới thiết lập ra Hà Đồ và Lạc Thư cũng như Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát Quái. Hà Đồ hình tròn, Lạc Thư hình vuông cũng như chuyện bánh dày bánh chưng đều có ý nghĩa Minh triết: hình tròn tượng trưng Trời, cõi tiềm thức, tâm linh với cơ số 3; hình vuông tượng trưng Đất, cõi ý thức với cơ số 4 hay 2. Tròn vuông là độ trung hòa lý tưởng để có Minh triết, cho nên người Việt luôn luôn cầu mong và cầu chúc cho nhau “*Mẹ tròn con vuông*”. Liên hệ 3-2 cho thấy tiềm thức có vai trò quan trọng để có Minh triết, chính nó dẫn dắt đời sống con người êm thấm theo luật quân bình, mà ý thức nhiều khi không hay biết. Cũng có những lúc gặp khó khăn trong nhân sinh mà ý thức hạn định không giải quyết được, tiềm thức phát ra những tín hiệu đặc biệt gọi lên miền ý thức như trong câu nói: “Hà xuất đồ, Lạc xuất thư”. Hà, Lạc chỉ miền tiềm thức sâu thẳm, còn đồ, thư là nội dung của thông điệp giúp mở rộng tầm ý thức. Đó cũng là ý nghĩa trời ngầm ban xuống hạ giới qua tiềm thức, mà chỉ những bậc chí thành mới thông hội được. Cũng như ngày nay, các công trình nghiên cứu, phát minh của các nhà bác học, thông thái không phải tức thời có kết quả, mà phải tích lũy nhiều kinh nghiệm cho đủ liều lượng nơi tiềm thức mới nảy bật ra ánh sáng phát minh theo qui luật lượng phẩm.

“*Hà Đồ thể viên nhi dụng phương. Lạc Thư thể phương nhi dụng viên*”. Tính chất này cũng tương tự như trong dương có âm, trong âm có dương vậy, cho nên Hà Đồ, Lạc Thư thường được biểu thị trong một Đồ Thư Hợp Nhất, biểu thị tính lưỡng nhất của nền Minh triết, hợp cả nội ngoại của Đạo.

Tổng cộng các số ở Hà Đồ là 55, các số ở Lạc Thư là 45. Như vậy tổng số của Đồ Thư Hợp Nhất là 100. Con số 100 tượng trưng cho vạn hữu và cũng liên hệ đến cái bọc 100 trứng, biểu tượng cho nhóm Bách Việt.

Phân tích ý nghĩa Minh triết của hình ảnh “long mã” thì long là rồng có khuynh hướng bay lên trời, tượng trưng cho kinh tuyến (dọc), chỉ Thiên, thời gian; còn mã là ngựa chạy trên mặt đất, tượng trưng cho vĩ tuyến (ngang), chỉ Địa, không gian. Kinh tuyến tượng trưng cho Thể, vĩ tuyến tượng trưng cho Dụng của Âm Dương, của Đạo. Cứu cánh của Dịch là ở chỗ kinh tuyến và vĩ tuyến gặp gỡ nhau, tức là giao điểm, nơi thời- không hợp nhất trong một Nhất Tâm (chữ thập ở số 5 trung cung). Lúc đó thời gian không còn được coi đứt quãng thành quá khứ, hiện tại, tương lai như ở quan niệm cổ điển nữa, mà những khoảnh khắc được thay bằng những hiện giờ và thời gian là một loạt những hiện giờ (Jetzfolge), nghĩa là thời gian trường tồn.

Khung Hồng Phạm Trụ Trì, Lạc Thư, phép Tinh Điền đều giống nhau về cách phân bố, mà tất cả ngọn ngành, các khu đều từ một nguồn mà ra, rồi cũng trở về nguồn ấy theo nhịp điệu của Dịch một tán, một tụ, một ra, một vào.

Cửu Trụ thật ra cũng là biến thể của Bát Quái, mà Trụ Hoàng Cực 5-10 ở trung cung đóng vai Thái Cực trong Bát Quái.

Cũng như vậy, Ngũ Hành là biến thể của Tứ Tượng, mà Hành Thổ ở trung cung tương ứng với Thái Cực trong Tứ Tượng.

Sau hết, Tam Tài là biến thể của Lưỡng Nghi, mà Tài Nhân là yếu tố Hòa giữa hai Tài Thiên và Địa. Khi đạt mức độ hòa hợp lý tưởng

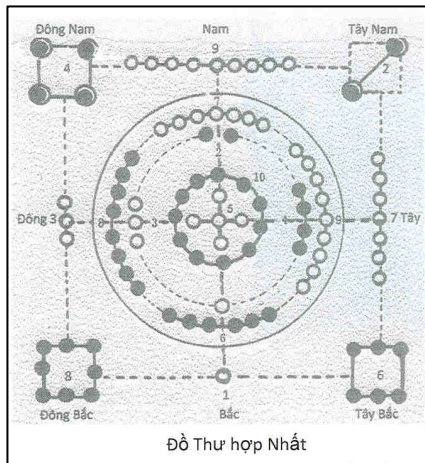
thì Tam Tài hợp nhất vào trong Nhất thể viên dung, là Tính thể, con người đã đạt Thân, thành Nhân thì hết vong thân. Tính thể con người như thể thật là cao cả, do đó con người luôn luôn tâm niệm tự trọng mình, không quay trở lại tình trạng vong thân, không tự nguyện làm nô lệ và để bị bắt làm nô lệ; đồng thời cũng tôn trọng tha nhân, không bắt người khác phải vong thân, phải làm nô lệ. Đó là phong thái của con người có văn hóa đạt Minh triết.

Ở phép Tinh Điền ngày xưa, khu đất rộng một dặm vuông được chia ra chín khu như hình chữ thập, khu ở giữa là công điền, tám gia đình cùng nhau cày cấy cho làng nước coi như hình thức đóng thuế ngày nay, còn tám khu khác chung quanh thì tám gia đình trên canh tác riêng cho mình. Đó là chế độ quân phân tài sản để ai cũng có đủ ăn.

Tinh còn có nghĩa là giếng nước. Giếng là nguồn cung cấp nước cho việc canh tác, yếu tố rất quan trọng trong đời sống nông nghiệp. Sang lãnh vực huyền thoại Việt Nam thì có Việt Tinh, là giếng siêu việt trào vọt dòng nước Cam Tuyền ngọt ngào đầy Hạnh Phúc và là

nguồn sáng tạo bất tận.

Đối tượng của nền Minh triết Việt Nho là Tính Mệnh. Sách Trung Dung nói: “Thiên mệnh chi vị tính, xuất tính chi vị Đạo” (TD1): Tính tức là Mệnh (mệnh trời), sống theo Tính tức là Đạo. Kinh Dịch cũng nói: “Thành tính tồn đạo nghĩa chi môn”: Thành được Tính của mình, đó là cửa dẫn vào đạo nghĩa. Như vậy vấn đề là làm sao thành đạt được cái Tính của mình. Hệ Từ có câu: “Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chi giả thiện giả, thành chi giả tính



giữ “: Một Âm một Dương là Đạo, kế tiếp theo đạo ấy là Thiên, thành được Đạo là Tính. Như vậy muốn thành được cái Tính của mình thì phải đi theo đạo Trung Dung giữa Âm và Dương, giữa Thiên và Địa.

Nhưng theo đạo Trung Dung như thế nào thì mới khả dĩ đạt được cứu cánh? Sách Trung Dung lại chỉ: “ *Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính tắc năng tận nhơn chi tính. Năng tận nhơn chi tính tắc khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hỹ* “ (TD22): Duy chí có bậc chí thành mới hiện thực đến tận kỳ cùng cái Tính. Hiện thực được cái Tính đến cùng cực như vậy cũng là hiện thực được cái Tính bản nhiên của con người Đại Ngã. Hiện thực được cái Tính bản nhiên của con người Đại Ngã tức là có thể giúp vào việc nuôi dưỡng vạn vật của Trời Đất, tức là có thể tham dự cùng Trời Đất.

“ *Chí thành* “ là tập trung cao độ để Thành cũng là Trung, Đạo, Tâm, Tính. Điều này rất tế vi, rất khó, cho nên sách Nho có viết: “*Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi; duy tinh, duy nhất, doãn chấp quyết trung* “ (Thư: Đại Vũ Mô). Nhân tâm thường bị vật dục che mờ cho nên “ *nguy* “, đạo tâm thì vô sắc, vô thanh, vô xúc cho nên nói là “ *vi* “, phải giữ cái tâm cho tinh thuần, chuyên nhất để nhắm vào cái Trung.

Trung Dung cũng nói: “ *Chí thành như thần* “ (TD24) nghĩa là bậc chí thành giống như Thần, mà Thần thì u linh, mênh mông, không đâu không có, biến dịch không có hình thể nhất định: “ *Cổ thần vô phương, nhi dịch vô thể* “ (HT 4). Đây là nói về đạo tâm ở đột tâm linh có thể so sánh với đột vật lý vi thể với khí năng, chứ không phải vật chất im lìm, độc khối, nghĩa là từ quan niệm biệt cách dẫn đến liên tục, cố định dẫn đến bất định, chấm dứt quan niệm bản thể cách biệt để có cái nhìn toàn triệt về vạn vật trong mối liên hệ phổ biến: “ *thiên địa vạn vật nhất thể* “. Như vậy từ “ *chí thành như thần* “ sẽ dẫn đến “ *trí tri tại cách vật* “ tức là cái biết sâu

xa tận căn tính, tận “ *bản lai diện mục* “ của vạn vật, chứ không phải là tri thức do lý trí nhị nguyên rời rạc từng sự vật riêng biệt. Theo nhà Phật thì cái biết chân thật đó bằng trí huệ Bát Nhã, gọi là *Chân Đế* khác với cái biết thông thường bằng lý trí biệt, gọi là *Tục Đế*. Tục Đế còn cần ý niệm danh lý trung gian, còn Chân Đế là ánh sáng từ trí huệ Bát Nhã cũng tương tự như Minh Đức là bầu linh lực uyên nguyên loé lên không thể diễn tả bằng danh lý nữa, mà bước vào vô ngôn. Tục Đế chỉ dựa vào một cơ năng là ý, còn Chân Đế thì vận dụng cả ba cơ năng ý, Tình, Chí, nghĩa là thể nghiệm toàn diện bằng tâm thân, bằng trực giác siêu việt ở đột tâm linh, cho nên năng tri, sở tri thống nhất thành Nhất thể, là Tính thể viên dung. Đó cũng là Thái Thất bao trùm vạn hữu, mà không nhắm vào một đối tượng riêng rẽ nào. Tư tưởng này có thể gặp lại ở mức độ nào đó với khái niệm “ *chân trời đối tượng tinh* “ của Heidegger (*Horizont von Gegenständlichkeit*) hay lãnh vực gặp gỡ giữa các phạm trù và trực giác, ở đó những vật thể có thể gặp gỡ với *Tại thể hữu hạn*. Chính đó là *chân trời Xuất tính thể* hay *tri thức Tính thể* “ (Con đường triết lý từ Kant đến Heidegger tr.251 L.T. Nghiêm tr.251). “ *Nội dung hay đối tượng tức vật-thể-là-vật-thể mà Hiện thể hay Tại thể xuất tính gặp gỡ được trong tri thức Tính thể xét như kết quả của sự cá khai quang do Xuất tính thể mang lại, không phải và không thể là một vật thể đặc thù có chủ đề nào* “ (L.T.Nghiêm tr.310).

“ *Chí thành* “ cũng là “ *chí trung* “ là tập trung vào giao điểm của trực giác- ngang thời-không (long mã), chỗ mà thời gian, không gian hợp nhất, khiến cho vạn vật đa tạp trở thành Nhất thể. Thời gian bị phân hóa do những cái nhìn rời rạc cũng được thống nhất tại đây do trực quan mang lại. Trực quan đó nhìn được toàn thể như một dòng sông liên tục để vươn đến vĩnh cửu bằng cách dồn hết sinh lực vào

hiện tại, mà không để bị chi phối bởi ý niệm dĩ vãng, tương lai.

Về quan niệm thời gian, Heidegger nhấn mạnh tính cách tiên nghiệm như quan niệm thời gian thuần lý của Kant: “*Thời gian hiểu như một loạt thuần lý gồm những hiện giờ, nó hiện giờ trong mọi thời gian. Nó hiện giờ trong mọi hiện giờ*” (Nun ist die Zeit als reine Jetztfolge jederzeit jetzt. In jedem Jetzt ist es jetzt- KM tr. 101- L.T.Nghiêm tr.291) Như vậy thì hiện tại không bị đóng kín, trái lại nó còn xuất thể tới một tương lai và tới một quá khứ như trong câu: “*Thời tinh tự thời tinh hóa như tương lai dĩ vãng dĩ vãng bằng cách lại với hiện tại*” (Zeitlichkeit zeitigt sich als gewesende-gegenwärtigende Zukunkt- SZ 350- L.T.Nghiêm tr. 416) “*Chỉ thành*” đưa đến “*Thành tinh*”, mà phải giữ cái “*Thành tinh*” đó liên tục thì mới mong nhận ra cửa dẫn vào Đạo như ý trong câu: “*Thành tinh tồn tồn đạo nghĩa chi môn*”. Chữ “*tồn tồn*” chỉ sự liên tục của thời gian, những cái “*Jetztfolge*” liên tiếp nhau. Còn chữ “*sinh sinh*” trong câu: “*Sinh sinh chi vị Dịch*” chỉ dòng sống liên tục của Dịch. Trong Kinh Dịch có hai vòng biến hóa thâm thấu vào nhau: vòng *sinh diệt* tương ứng với đợt ý với ý thức, còn vòng *sinh sinh* tương ứng với đợt Chí ở vô thức, tiềm thức tâm linh. Có điều hợp cả hai vòng này và nhất là có vào được vòng trong mới hiện thực được Đạo sinh động là cái Toàn thể như một cơ thể sống vừa chuyển vừa hằng, tương ứng với Thời Trung.

Sau hết “*chỉ thành*” thì mới “*tận kỳ tinh*”, nghĩa là phát triển đến tận cùng, hết cỡ các quan năng ý, Tinh, Chí nơi con người để vươn tới dòng sống uyên nguyên phổ biến, nghĩa là Suất tính, Tinh, Tinh Thể, Tinh Mệnh, Thiên Mệnh, Thái Thái, Thái Nhất đều đồng nghĩa với nhau và là đối tượng của Minh triết. Đạt đến cứu cánh đó là ngộ Đạo, gọi là “*nhập w thất*”, còn nếu cứ chạy loanh quanh ở vòng ngoài với ý thức nhị nguyên thì còn đầy mâu thuẫn, còn trôi theo vòng sinh diệt vô thường, cho nên con người cảm thấy đầy âu lo, bất an, từ đó sinh ra tình

cảm “*buồn nôn*”, “*phi lý*”, “*không nhà*”, “*xa lạ*”, “*phản kháng*”.

Trong bài “*Vịnh Phật*” của Nguyễn Công Trứ có hai câu thơ:

“*Chữ Kiến Tinh cũng là Suất Tinh,
Trong ống dòm đồ tiếng Hư Vô*”

Chữ “*Kiến Tinh*” ở nhà Phật thường đi đôi với chữ “*Minh Tâm*” thành ra “*Minh Tâm Kiến Tánh*”. Còn chữ Suất Tính của nhà Nho cũng đi với chữ Minh Đức. Cả hai đều phải qua con đường Hư Vô cũng như nhà thiên văn, khi sử dụng ống dòm, phải ngắm vào giao điểm của hai trục dọc ngang, nơi mà mọi chiều kích dị biệt đều biến mất.

Nhà Phật thì có Thái Hư, Tâm phải trống rỗng thông qua quá trình diệt dục tận gốc rễ để làm hiện ra “*bản lai diện mục*”, chân tính “*Như Lai*” linh diệu.

Ở Nho, Khổng Tử cũng thực hiện bốn vô: “*Từ tuyệt tư: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã*” (L.N IX): Khổng Tử tuyệt không có bốn điều: không có ý riêng tư, không quyết đoán chắc trước, không cố chấp, không vị mình. Như thế mới có thể “*duy tinh, duy nhất*” và “*tận kỳ tinh*” được. Khi đã làm sáng được cái Đức Sáng, nghĩa là Tinh thể hiển hiện thì quả thật con người là cái Đức của Trời Đất (*Nhơn kỳ giả thiên địa chi đức*) có khả năng thâm hóa vạn hữu vào một Nhất Tâm, ở ngay giao điểm của trục thời- không, cho nên Trang Tử mới nói: “*Thiên địa dữ ngã tịnh sinh. Vạn vật dữ ngã vi nhất*” (Tề vật luận): Trời Đất với ta cùng hiện ra. Vạn vật với ta cùng một thể. Mạnh Tử cũng nói: “*Vạn vật giai bị tư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên*”: Vạn vật đều đầy đủ nơi bản thân ta, chỉ cản trở về đó một cách thành thật, thì còn gì vui bằng. Khi muôn vật giữ đúng cái Tinh Mệnh bản nhiên tinh tuyền Trời phú cho nơi mình thì nền Thái Hòa khắp nơi nơi được hiện thực và được bảo toàn, do đó Quê Kiền mới nói: “*Các chánh tinh mệnh bảo hợp thái hòa*”. Lúc đó, các lý tưởng quân bình theo bộ ba như: Trí, Nhân, Dũng ở Nho; Bi,

Trí, Dũng ở Phật và Chân, Thiện, Mỹ ở triết lý đối vật đồng loạt xuất hiện sáng tỏ, cũng như niềm An Lạc, Hạnh Phúc, giếng Việt với nguồn nước Cam Tuyền trào vọt. Những lý tưởng này đều đồng qui nơi Tâm giác ngộ, diêm gặp gỡ của thực thời- không, cho nên Thiền Uyển Tập Anh có ghi những câu vấn đáp thiên sâu sắc như sau:

...Có Tăng hỏi: “*Tâm Pháp đều quên, thì Tính tức Chân. Thế nào là Chân?*”

Sư (Thiền Sư Viên Chiếu) đáp:

“Hoa núi mưa sa, Thần Nữ khóc

Trúc sân gió thổi, Bá Nha đàn”

(Vũ trích nham hoa, Thần nữ lệ Phong sao đình trúc, Bá Nha cầm).

Chân là nhìn theo tác dụng của Lý trí, Mỹ là nhìn theo tác dụng của Ý chí. Khi giác ngộ thì ba phương diện Lý trí, Tình cảm, Ý chí đều qui về một Tâm thì Chân, Thiện, Mỹ cũng qui về một Thực tại. Ở đây không còn có sự phân biệt chủ thể, khách thể nữa, tất cả đều thống nhất trong một Tâm, cho nên để trả lời cho câu hỏi về Chân, Thiền Sư đã sử dụng những hình ảnh thi ca Thiền ở phương diện Mỹ để trả lời, thật là tuyệt diệu.

Như đã nói đối tượng của Minh triết là Mệnh, Tính thể và cứu cánh là đạt Mệnh, suất Tính, kiến Tính. Muốn vậy con người gọi là hành giả phải thể nghiệm bằng cả tâm thân, tập trung cao độ cả ba quan năng Ý, Tình, Chí để thống nhất mọi Đa tạp vào Nhất thể, Nhất Tâm, nơi giao điểm của thực dọc- ngang thời- không, cho nên sách Lễ Ký viết: “*Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, qui thần chi hội, ngũ hành chi tú khí giã*”: Người là cái đức của trời đất, sự giao hội của âm dương, sự tụ hội của qui thần, cái khí tinh tú của ngũ hành. Hệ từ thượng cũng nói: “*Nhất âm nhất dương chi vị đạo*”. Một Âm một Dương là Đạo. Đạo giản dị thể thôi, cho nên Kinh Dịch cũng bắt đầu bằng vạch đứt - là phù hiệu Âm và vạch liền - là phù hiệu Dương. Lấy hai vạch đó thay đổi, chồng lên

nhau thành ra các Quẻ, từ tám đến sáu mươi bốn Quẻ v.v... sinh sinh, hóa hóa không ngừng từ đơn giản đến đa tạp. Như vậy, vạn vật dầu có thiên hình vạn trạng thế nào thì cũng do hai nguyên lý Âm Dương phối hợp mà ra cả, cho nên hẳn biết được cái lẽ giản dị ấy thì biết được cái lý của thiên hạ theo như câu nói của Hệ Từ Thượng: “*Dị giản nhi thiên hạ chi lý đắc hĩ*”.

Khi xét quá trình biến đổi Tâm thức của con người từ đợt Thê qua Từ, Ý, Cơ cho đến đợt Thê để ngộ Đạo thì quả thật đợt Từ đã bị bỏ xa rồi, cho nên trên đường tu Đạo, các vị Thiền Sư chủ trương dùng thiền định và Lão dùng phương pháp “*tọa vong*”. Trang Tử ở Nam Hoa Kinh cũng viết:

“*...Có lời là vì ý,*

Đặng ý hãy quên lời.

Ta sao tìm đặng người biết quên lời, hầu cùng nhau bàn luận.”

(...Ngôn giả sơ dĩ tại ý,

Đắc ý nhi vong ngôn.

Ngô an đắc phủ vong ngôn chi nhon nhi dữ chi ngôn tai- Nam Hoa Kinh- N.D.Cần dịch tr. 550)

Ngộ Đạo là trở về với uyên mặc, vô ngôn; nếu cần diễn đạt thì cũng chỉ dùng những câu ngắn gọn, cô đọng, hoặc vài ba cơ số, đồ hình, hình tượng.

Trên đây là một số khảo sát về những đặc điểm của Minh triết, mà nội dung có thể được tóm tắt như sau:

Trước hết ánh sáng Minh triết phản chiếu tỏ rõ tính bản nhiên của thế giới hiện tượng, vạn vật là phân cực và xác định mối tương quan hữu cơ giữa những đối lập thể với nhau, mà không có loại trừ, nghĩa là xác định tính lưỡng hợp, lưỡng nhất của thế giới vạn vật.

Nhân tính cũng có tính lưỡng nhất đó, cho nên Minh triết lấy con người làm trung tâm qui chiếu. Con người chẳng những sống theo tiết điệu hài hòa của Đạo, mà còn điều động, phổ biến rộng khắp tính “*bảo hợp thái hòa*”.

VÔ THƯỜNG

Trắng đen, đen trắng đổi thay
Sáng trưa chiều tối ngày ngày luân phiên
Đang vui sao lại ưu phiền
Lúc buồn lại thấy niềm riêng rạng ngời
Nắng mưa là ý của trời
Giàu nghèo là bởi số người số ta
Cuộc đời nhiều lúc phong ba
Lên như gió thổi lại tà tà rơi
Khi đoàn tụ lúc chia phôi
Khi đông bè bạn lúc ngồi buồn tênh
Khi xuống thác lúc lên ghềnh
Khi đây quyền thế lúc chân gông cùm
Chiến tranh khủng bố -tử tung-
Ai sai ai đúng ai mừng ai lo ?!
Ai đàn áp / ai tự do ?
Ai mang dân chủ ai cho nhân quyền ?
Khóc cười thế sự đảo điên
Kẻ gian ác độc người hiền đáng thương !
Cuộc đời là chuỗi VÔ THƯỜNG
Đến khi tắt thở hồn nương nơi nào ?
Thiên Đường / Địa Ngục ở đâu ?
Theo luật Nhân Quả nhiệm màu lắm thay !!!

Vũ Lang

(California)

Tính lưỡng hợp bao hàm toàn thể từ đọt Dựng cho đến Thê, quán thông cả vào ra theo tinh thần hòa hợp “ *nội ngoại chi đạo* “. Minh triết là phải đạt đến đọt Thê, cho nên chỉ ở vòng ngoài với ý thức nhị nguyên thì không bao giờ đạt Mệnh, suất Tính, kiến Tính được vì còn nhiều mâu thuẫn, mà phải vượt đến đọt tâm linh mới có được khả năng siêu việt, vượt qua mâu thuẫn, nối kết, hòa hợp các đối cực với nhau.

Tính lưỡng hợp hợp nhất Thiên- Địa, trực dọc- ngang thời- không, mà giao điểm là nơi gặp gỡ thuở ban đầu của sơ nguyên tượng thuần túy chưa thành hình, chưa phân biệt, chỗ mà Lão Tử nói: “ *Hốt hê hoảng hê kỳ trung hữu*

tượng “ hay nói khác là chỗ xuất hiện đối tượng tinh rờng chưa có chủ đề. Tại đây cũng chưa có sự phân hóa thời gian thành quá khứ, vị lai, mà chỉ có hiện tại trường tồn.

Khi con người tìm lại được “ *bản lai diện mục* “ của mình là một Toàn thể không bị chia phần, mất mát thì chấm dứt được tình trạng vong thân. Tận nơi thâm tâm mình, khi ý thức được rằng thời gian trường tồn thì những tình cảm lạc điệu như “ *buồn nôn* “, “ *phi lý* “, “ *không nhà* “...biến mất, vì khi đạt Mệnh, suất Tính, kiến Tính thì con người đã “ *nhập u thất* “ rồi.

Cũng do tính lưỡng hợp, một khi đã tập trung sinh lực vào đến tận trung cung, nơi giao điểm của trục thời- không thì sức tỏa ra mọi chiều kích mới bao quát lớn lao theo luật: “ *Nội hàm càng nhỏ, ngoại hàm càng lớn* “. Nói theo đường đi của Dịch thì từ điểm Thái Cực qua Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, sang Bát Quái, rồi lan tỏa ra 64 Quẻ và hơn thế nữa thành vạn vật thiên hình vạn trạng.

Sau cùng, đạt Mệnh là đã “ *nhập u thất* “ tại giao điểm của trục thời- không, mà đã là điểm thì không còn kích thước, cho nên Minh triết có hình thức giản dị của Nguyên ngôn. Tuy nhiên không phải bất kỳ phán quyết có hình thức giản dị nào cũng đều có tính cách Minh triết ví dụ như những khẩu hiệu quảng cáo, tuyên truyền một chiều chẳng hạn. Ngoài ra cũng cần phân biệt Minh triết thông thường ở đọt lương tri và Minh triết ở đọt triết lý.

Đối tượng nghiên cứu “ *Con Đường Văn Hóa Việt Nam* “ là nhắm vào Minh triết có tính cách triết lý. Đây là điểm thứ nhất của phần Dẫn nhập. Điểm thứ hai của phần này là việc chọn vị thế để có cái nhìn bao quát, toàn thể sự thật mà không bị lệch lạc, phiến diện. Đó là vấn đề quan điểm để có thể khai quang ra con đường văn hóa tự thân, cũng là hướng đi của “ *Con Đường Văn Hóa Việt Nam* “.

NGUYỄN VĂN NHIỆM

(Germany)

Mùi Cơm Sôi Cạn Nước

Cung Thị Lan

Theo hướng đi Út, Ngọc chỉ thấy rừng cây hiện ra trong khung kính của cửa sổ. Vì phòng đi ở tầng một và giường của đi được kê gần sát cửa sổ hướng mặt về phía sau của khu dưỡng lão, Ngọc có thể thấy rõ ràng một rừng cây hun hút vào tận phía trong sâu. Ngó ngác nhìn sang chông và ba đứa con trai, Ngọc chưa biết đáp lời ra sao, đã nghe đi Út nói tiếp:

“Còn bữa trước nữa tao thấy một ông cỡ trung trung cũng rủ tao đi chơi.”

Lần này, đôi mắt của Ngọc trở ra, nghi ngại nhìn đi út. Nàng ngờ chứng stroke ảnh hưởng nửa bộ óc của đi đã khiến cho sự nhận biết của đi không được như bình thường. Dù vậy, nàng vẫn hỏi cho có chuyện:

“Vậy thằng nhỏ và ông trung trung đó là người Việt hay người Mỹ hả đi?”

“Người Mỹ?”

“Hai người Mỹ đó nói gì mà đi biết là họ mời đi đi chơi?”

“Họ nói ‘Come here’ thì đi hiểu tiếng Mỹ chứ! Tụi nó còn ngoắt tay kêu đi đi nữa kia! Cứ lâu lâu là có người đến gọi đi đi chơi. Có bữa đi con thấy một bà Mỹ gọi đi nữa. Đi nói đi không đi được mà cứ đứng ngoắt tay chờ đi đi.”

“Ngoài đó toàn cây cối không hà đi. Chắc đi thấy mấy cô điều dưỡng trong này rồi cứ tưởng ai thôi.”

“Không phải điều dưỡng đâu con. Mấy người điều dưỡng mặc đồ màu xanh lá cây đi biết mà. Còn mấy người này mặc đồ thường như mình thôi. Không biết bệnh viện này ở chỗ nào mà người ta thân thiện dữ vậy!”

“Viện dưỡng lão chú không phải bệnh viện đi à! Con không ngờ trong khu dân cư này có viện dưỡng lão. Từ nhà con đến đây chỉ qua con đường cái lớn G. rồi vào mấy con đường nhỏ thôi. Người ta chọn địa điểm này cho viện dưỡng lão cũng hay. Chỗ này ở cuối đường yên tĩnh và thuận lợi”

“Hình như chỗ này có nhiều người Việt Nam ở lắm phải không con?”

“Con không nghĩ vậy đâu đi. Viện dưỡng lão này tuy không cách khu dân cư ở bao lắm nhưng cũng tách biệt hẳn trong khu rừng cây này. Mà sao đi nghĩ ở đây có nhiều người Việt Nam ở.”

“Vi đi ngủ có mùi cơm sôi cạn nước. Đó! Con có nghe mùi cơm sôi cạn nước không?” Hít hà đi nói thêm: “Thơm quá! Con ngủ thử coi!”

Trong vô thức Ngọc hít vào như lời yêu cầu, mùi khoai tây nghiền thoang thoang trong mùi lạnh lạnh của máy điều hòa. Giờ này chắc những người điều dưỡng vẫn còn cho những người bệnh ăn ở những phòng cạnh bên. Sự bại liệt hình như đã khiến cho khứu giác của đi Út nhạy bén hơn dù nhận định mùi vị hoàn toàn khác với thực tế. Nàng nghĩ có lẽ ước muốn đã gây ra sự sai lệch này. Bất giác Ngọc nhìn những trái cam trên chiếc tủ cạnh giường của đi. Người Việt thường đem theo sũa hay bánh trái biếu người bệnh. Khác với phong tục tặng hoa cho người bệnh của người Mỹ, họ cho rằng bánh trái là những món thiết thực hơn. Có lẽ vẫn còn ảnh hưởng với cảnh bóc cam, gọt táo của những người thăm và chăm người bệnh ở Việt Nam,

chính vợ chồng nàng cũng theo tập tục này. Còn giờ đây khi nhìn những túi trái cây Ngọc hiểu rằng chẳng có ai bên cạnh chăm đi Út để chăm từng phút từng giây hay ngồi gọt từng trái táo hay tách từng miếng cam cho. Và chính lúc này Ngọc hiểu món quà gì thiết thực dành cho người bệnh như đi Út. Nàng gợi ý với giọng thương cảm:

“Đi Út có thích ăn cơm không? Nếu thích thì con đem cơm cho đi.”

“Có chớ. Di muốn nói với con và hai đứa Như, Dung đem cho đi cơm mà thấy đứa nào cũng bận nên không dám. Lần sau có thăm đi thì mang cho đi chút cơm.”

“Ồ! Tại con không biết chứ mà biết trước thì hôm nay con đem cho đi rồi. Thôi để lần tới con đem cơm cho đi nghe. Di nói cho con biết là di muốn ăn cơm với gì, con sẽ làm ngay. Có phải di thích ăn cơm với canh chua và cá kho không?”

“Cho đi ăn với món gì cũng được miễn là có cơm thôi.”

*

Ngọc đã đem cơm cho đi Út trong những lần thăm tiếp đó. Mỗi buổi chiều đi làm về, vừa nấu xong bữa cơm chiều cho gia đình, nàng lo go cơm vào viên dưỡng lão cho đi ngay. Cũng may là nhà của nàng khá gần viện dưỡng lão V. nên sau năm phút lái xe, nàng có thể giữ cho đi thức ăn còn nóng ấm. Hôm đem thức ăn cho đi, Ngọc được cô nhân viên thường trực ở đây báo cho nàng biết là đi Út đã được chuyển lên lầu hai. Có lẽ cô ta cũng thường viếng bệnh nhân tại đây trong những lúc rảnh rỗi nên biết rõ từng người và đã vui vẻ kể cho nàng hay sự tiến triển khả quan của sức khỏe đi khi nàng ký tên vào giờ thăm bệnh nhân. Theo lời hướng dẫn của cô, nàng dùng thang máy lên đến phòng số bảy. Tại đây, nàng ngạc nhiên vui mừng khi thấy đi Út ngồi tươi tỉnh trên chiếc giường nệm trắng trong lúc người nhân viên điều dưỡng đang chuẩn bị

cho đi dùng thức ăn chiều. Cũng may là Ngọc đến kịp lúc nên đi Út có dịp thưởng thức các món ăn do nàng làm. Di Út nói:

“Con để chén cơm trên đũa đi nè. Di tự múc ăn được, khỏi cần đút.”

Ngọc hỏi với giọng ngạc nhiên:

“Di tự đút ăn được rồi sao?”

“Mấy ngày nay mấy người y tá tập cho đi tự đút ăn. Mỗi lần đến giờ ăn, họ đỡ đi ngồi lên, chuẩn bị thức ăn trước mặt đi cho đi tự xúc.”

“Vậy thì để con sẽ cá vào chén cơm cho đi. Di dùng chiếc muỗng này xúc cơm nhé!”

Chỉ trên đũa, đi Út nói:

“Con để đây đi! Di làm được”

“Để con kê cái khăn này trong lòng đi rồi chèn cái chén này vào giữa đã! Làm như vậy đi múc cơm dễ hơn. Có gì cái khăn này còn hứng thức ăn đổ chứ cơm cá giã trên quần, trên giường thì khổ.”

Thau lấu nhìn từng động tác của Ngọc cho đến khi nàng hoàn tất, đi Út run run dùng chiếc muỗng nhựa xúc cơm. Có lẽ do xúc động khi nhìn lại những hạt cơm quen thuộc, khuôn mặt đi toát lên một vẻ hết sức trịnh trọng khi đút vào miệng những muỗng cơm đầu tiên. Nhìn đi nhai cơm như thể đang ăn thức ăn hiếm quý, Ngọc cảm thấy niềm thương cảm dâng trào. Tuy nhiên, nàng đã giấu cảm xúc của mình bằng những câu nói đùa:

“Đi ăn cơm mà không dùng đũa là mất nửa vị giác ngon rồi chứ không phải con nấu dở đâu nghe đi! Con kho cá không ngon như đi đâu.”

“Ngon lắm chứ sao không ngon con! Đây mới thực sự là ăn được cơm chứ đâu như mấy ngày trước chỉ ngửi mùi cơm sôi cạn nước! Mà sao con biết di thích cá kho keo vậy? Kho kiểu này chắc là mắc công lắm phải không con?”

“Có tốn công gì đâu đi ơi! Con bắt hai ba lò cùng một lúc rồi làm thật lẹ để chạy vào đây thăm đi thôi. May là con đến đúng lúc chứ con

mà chờ nhà ăn xong rồi vào đây thì đi đã ăn xong. Lúc đó, có ngon mấy cũng không còn thấy ngon nữa! Con đâu biết ở trong này họ cho ăn sớm quá vậy!”

“Chắc tại họ phải lo cho nhiều người quá nên phải cho ăn sớm như vậy đó con.”

“Vậy thì con biết lúc nào đem thức ăn chiều vào cho đi rồi.”

Sau lần đó, Ngọc thường đến vào lúc viện dưỡng lão vào trước buổi bữa ăn chiều của bệnh nhân. Biết lịch của nàng, đi Út hiểu là khi nàng không có mặt trước giờ ăn, có nghĩa là nàng không thể đến và đi phải dùng thức ăn trong viện dưỡng lão. Dù vậy, càng ngày đi Út càng ít ăn chiều trong viện dưỡng lão bởi vì không chỉ có Ngọc mà Như và Dung cũng đem cơm cho đi nữa. Vào những ngày thứ bảy chủ nhật đi có thêm nhiều quà bánh và thức ăn của những người đến thăm viếng. Những người Việt còn cư ngụ tại chung cư Park Road và những người mua nhà ở Virginia đã liên lạc, loan tin, rồi họp nhau đến thăm đi vào cuối tuần luôn. Mỗi lần như thế căn phòng của đi ồn ào tiếng nói, tiếng cười của người Việt đến nỗi người bệnh nằm cùng phòng phải phàn nàn. Ngọc cũng thường đưa con đến thăm đi Út vào những ngày cuối tuần. Mỗi lần như thế, nàng thắc mắc về sự dễ dãi của viện dưỡng lão đối với sự cho phép thăm viếng người bệnh đông đúc cùng một thời gian. Nàng đoán có lẽ những người nhân viên thông cảm sự cô đơn của những người già và người bệnh ở đây cho nên họ không quan tâm đến sự giới hạn của người thăm. Hay, có lẽ họ chưa từng trải nghiệm sự viếng thăm đông đúc như thế.

*

Càng vào thăm đi Út, Ngọc càng thấy các sinh hoạt của đi Út tiến triển tốt lên. Mặc dù căn bệnh không thể chữa trị hoàn toàn dứt hẳn, đi đã từ từ phục hồi những chức năng hoạt động của

người bình thường. Đi đã có thể vào phòng vệ sinh với sự dắt dìu của người y tá và chiếc nạng đặc biệt để tự chăm sóc cho mình. Ngoài ra, đi còn tham dự những sinh hoạt của viện dưỡng lão với những người bệnh khác. Lần thăm đó, Ngọc không thấy đi Út và cả người cùng phòng với đi trên giường của họ, nên tìm hỏi, và được biết họ có cuộc họp trên lầu ba. Theo sự chỉ dẫn, Ngọc đi cùng với chồng nàng tìm đến nơi. Tại đây, Ngọc thấy rất nhiều người, hoặc già hoặc bệnh ngồi trên những chiếc xe lăn, quây quần từng nhóm trò chuyện. Ngọc không biết họ đã họp về vấn đề gì, sinh hoạt như thế nào, và tiến trình ra sao; nhưng khi nhìn những đĩa trái cây được xắt nhỏ và những đĩa bánh quy còn thừa trên chiếc bàn vuông Ngọc đoán những người bệnh đã được những người quản lý viện dưỡng lão V. tạo điều kiện cho gặp mặt, ăn uống và trò chuyện với nhau. Khi vợ chồng nàng len lỏi vào trong những chiếc xe lăn để đến bên chiếc xe của đi Út, nàng đã nhận rất nhiều tia nhìn chào đón như tán phục. Những ánh mắt toát lên sự hài lòng đối với việc chứng kiến cảnh người quan tâm đến người, đồng thời tỏ ra sự chia vui với đi Út. Không những họ, ba người nhân viên của viện đang có mặt tại đó cũng niềm nở với vợ chồng nàng. Một người đàn bà có nước da nâu sáng, vẻ như người tổ chức buổi họp, mời cả hai ngồi, bảo dùng thức ăn, rồi nói rằng họ có thể đưa đi Út về phòng để tâm tình riêng tư.

Ngọc cùng chồng đẩy xe lăn đưa đi Út về phòng theo ý muốn của đi. Trên đường, đi hân hoan nói:

“Thấy tụi nó đưa đi lên đây đi sợ các con vào thăm mà đi không gặp được, nhưng đi không biết nói với tụi nó làm sao để dặn tụi nó chỉ các con lên đây.”

Ngọc đáp:

“Đi đừng lo, tụi con không thấy đi trong phòng thì tụi con hỏi tìm thôi. Cho dù họ

chuyển đi đi đâu chẳng nữa chúng con cũng tìm thăm đi cho bằng được mà!”

Hòa phán:

“Con thấy họ tổ chức cho những người bệnh họp mặt như thế cũng hay! Mỗi tháng một lần, mọi người được gặp gỡ trong những ngày như thế này cũng có ý nghĩa lắm. Nhưng mà, để dời tất cả người bệnh ở đây lên phòng họp trên ấy nhân viên ở đây cũng vất vả lắm.”

Ngọc chép miệng:

“Cứ thấy họ tận tình giúp đỡ người bệnh mà thương. Người ta cứ đồn bậy là y tá trong viện dưỡng lão thường đánh hay đối xử tệ hại với bệnh nhân; còn chúng kiến tận mắt sự tận tâm giúp người bệnh của họ mới thấy họ như những thiên thần. Qua cung cách làm việc của họ con cảm nhận được tình thương mến và sự thông cảm sâu sắc của họ đối với người già yếu bệnh hoạn như thế nào. Có thể là họ nghĩ chẳng may như thế khi già yếu thì cũng được đối xử tử tế như vậy.”

Di út hớn hở khoe:

“Mấy ngày nay, sáng nào di cũng được một cô y tá đẩy xe lăn đưa ra sân tập. Cổ bắt di chống nạng để tập đứng lên rồi tập đi. Hôm nào cổ cũng tập đi đi qua lại khoảng nửa giờ đồng hồ. Có hôm cổ thấy đi cứng cáp hơn những lần trước, bắt di gắng đi thêm, di nói di mệt quá đi không nổi nữa vậy mà cô nói cố gắng tập thêm cho mau tiến bộ. Thế là di đành phải nghe lời, nhưng di mới bước thêm vài bước nữa là xỉu xuống, bất tỉnh không biết trời trăng gì nữa. Lúc di tỉnh lại, thấy cổ ôm di khóc quá chùng. Cổ còn hôn di và nói ‘sorry’ nhiều lần nữa. Thấy cổ coi mình như mẹ mà di cũng ứa nước mắt theo. Sau này cổ biết di có chứng bệnh tim nên không bắt di tập nhiều. Mỗi lần đi nói mệt là cổ cho ngừng ngay.”

Hòa nói:

“Cách làm việc ở đây là vậy đó di! Người ta làm gì cũng tiếp tục với những bước kế tiếp

cho đến khi hoàn thành chứ không bỏ ngang. Có thể nói quyền lợi của con người ở đây được tôn trọng đến mức tối đa là vậy. Mình may mắn lắm mới được ở trên đất nước này!”

Ngọc trầm ngâm:

“Vậy mà con cứ tưởng họ chuyển người già đến viện dưỡng lão cho ăn, nuôi ở là xong; con đâu ngờ họ còn đưa đi đi tập mỗi ngày như thế. Như vậy cô y tá mà di nói là therapist đó đi à!”

“Di không biết nó là ai nhưng tuần nào nó cũng đến đây đưa đi đi tập hai ba lần. Nó nói đi phải tập như vậy mới tự dùng cái nạng được. Di còn được một con nhỏ y tá khác chở đi cắt tóc làm móng tay chân nữa.”

Ngọc reo lên:

“Ừa? Hèn chi con thấy di có mái tóc mới. Con không nghĩ ra người nào ở đây cắt tóc cho di mà chưa kịp hỏi.”

“Nhờ cô y tá Mỹ đen đó con. Cô này đưa đi đi gội đầu cắt tóc làm móng tay chân. Còn cô y tá đưa đi đi tập là Mỹ trắng.”

“Rồi cô đưa đi đi gội đầu lấy tiền đâu mà trả cho đi?”

“Di không biết. Chắc viện dưỡng lão cho cổ trả cho đi.”

Hòa chen vào:

“Không phải đâu di. Đó là tù tiền bệnh của di đó. Chắc cán sự xã hội trong viện dưỡng lão này đã làm thủ tục trích phần nào tiền bệnh của di để chi trả cho các dịch vụ này.”

Ngọc lại reo lên:

“Ồ! Tuyệt quá! Họ chăm sóc di cẩn thận và tử tế như thế này khác gì người nhà tận tình với thân nhân bị bệnh của mình đâu! Còn hơn thế nữa đó! Con thật là mừng khi thấy di tươi tắn như thế này.”

“Tụi y tá ở đây lo cho di không thiếu thứ gì con ơi! Tụi nó lấy bộ đồ mà con Dung đem vào đây cho di ghi tên di kỹ lưỡng chớ sợ lộn với người khác nữa đó. Rồi tụi nó giặt giũ, xếp cất

và thay cho đi thường xuyên. Cũng nhờ vậy mà đi mới được sạch sẽ thơm tho như vậy đó chứ!”

*

Mặc dù đồng hương thăm viếng thường xuyên và nhân viên của viện dưỡng lão chăm sóc đi út tận tình, đi út không từ bỏ ý định trở về sống ở quê hương trong những ngày cuối đời. Khi gặp Hùng trong lần thăm duy nhất sau bốn tháng trời, đi đã hối thúc anh lo giấy tờ đưa về Việt Nam. Có lẽ vì không gặp con trai của mình suốt thời gian dài trên giường bệnh khiến cho đi lo sợ là anh ta không thể có cơ hội thăm đi lần thứ hai và không còn có cơ hội được anh đưa về Việt Nam nữa. Thế rồi, theo lời khẩn thiết yêu cầu của đi, Hùng đã nhờ người báo cho viện dưỡng lão tiến hành thủ tục xuất viện trong lúc lo mua vé máy bay. Những người quản lý trong viện dưỡng lão đã đưa đi út đi tái khám rồi tìm xin xe lăn cho đi làm phương tiện đi chuyển cho chuyển đi. Sau vài ngày hoàn thành thủ tục xuất viện, và lấy được vé máy bay, đi út nhờ người báo sở Trại Cấp An Sinh Xã Hội ngưng nhận trợ cấp tiền bệnh. Bạn bè quen biết gần xa của đi ở vùng Hoa Thịnh Đốn đều sững sốt khi nghe tin về chuyến đi không bao giờ trở lại của đi. Khi tập trung trong viện dưỡng lão trước ngày đi lên đường, mọi người hỏi thăm với nhau trong hoang mang:

“Sao đi út lại muốn về Việt Nam đột ngột vậy? Ở đây được chữa trị đầy đủ mà sao lại bỏ đi?”

“Lại còn bỏ tiền bệnh nữa chứ! Có dễ xin được tiền này đâu! Không biết tiếng Anh, phải nhờ người thông dịch đi tới đi lui làm đơn từ giờ lại bỏ?”

“Trở về Việt Nam thì dễ rồi nhưng có được tại nguyện như mình nghĩ không là chuyện khác. Đi được mà muốn trở lại không được mới khổ đó!”

Ngọc đã không bàn luận gì khi nghe những lời xầm xì xung quanh. Nàng nghĩ đi út

kiên định việc về sống ở quê hương vì đi tin tưởng số vốn lẫn lời trong ngân hàng Việt Nam do người cháu đứng tên dùm. Nhờ lại lời tâm sự của đi trước đây, nàng hiểu là đi rất lạc quan với số vốn ngầm mà đi có và giá sinh hoạt thấp ở Việt Nam. Chúng sẽ tạo cho đi có cuộc sống đầy đủ đến cuối đời mà không phải lo lắng gì. Dù biết được nguyên nhân như thế, Ngọc vẫn còn lo lắng. Nàng hỏi:

“Đi út có suy nghĩ chín chắn trước khi bỏ tất cả ở đây để trở về Việt Nam chưa? Chú lỗi có gì, đi muốn qua đây làm lại tất cả những gì đang có mà không được thì rất khổ.”

“Đi đã nghĩ kỹ lắm rồi con à. Chẳng lẽ cứ nhờ vả mấy đứa y tá ở viện dưỡng lão này hoài cho đến chết? Để đi về cho con cháu đi bên đó chăm sóc đi! Tội nó mà đưa đi chằm cứu thì đi đi đúng được bình thường như xưa. Nhược bằng không chữa được bệnh, đi cũng ở Việt Nam luôn. Dù sao, có chết ở quê hương cũng vẫn hơn.”

Hòa gật gù:

“Đi tính vậy cũng phải. Bởi vì hiện tại thì viện dưỡng lão này còn giữ đi chăm sóc nhưng nếu đi khỏe hơn và họ muốn chuyển đi đến chỗ xa hơn, con cháu không thể đến thăm nom đi thường xuyên được thì khổ.”

Lý do của sự quả quyết được giải bày hết sức rõ ràng và xác đáng nên những người đến tiễn không còn to nhỏ hay thắc mắc gì nữa. Trong khi nói lời chia tay, mọi người cùng nhau gom góp một ít tiền làm quà cho đi đi đường. Dung và Như đã mua đầy đủ những thứ mà đi yêu cầu trong hai chiếc va li. Vật dụng mà họ mua cho đi nhiều nhất là những bao tã. Hôm ấy căn phòng của đi ồn ào hơn bao giờ hết, nhưng người đàn bà Mỹ trắng nằm cùng phòng với đi không phàn nàn một lời nào. Có lẽ bà này cũng đã biết hôm ấy là ngày cuối của đi trong căn phòng của hai người.

*

Tết Dương Lịch năm ấy, vợ chồng Dung Thi mời tất cả đồng hương quen biết ở chung cư Park Road đến nhà dự tiệc Tết Niên. Ngọc rất vui mừng khi được dịp gặp lại những người quen biết cũ và chuyện trò với họ. Chưa nhập tiệc, dì Chín đã đem ra khoe những cái bánh tét mà bà vừa nấu chín. Trông thấy chúng, Ngọc hỏi ngay:

“Đạo này đi có tin gì của dì Út không đi? Lâu quá con không đến đây được để hỏi thăm dì Út đạo này ra sao?”

“ Bà Út hả? Trời ơi! Nghe bà về đó khổ lắm con ơi. Mấy bà ở Park Road đang bàn chuyện góp tiền gửi về cho bà đó!”

“Sao vậy hả đi? Chớ còn số vốn mà dì Út gửi cho người cháu dì ở ngân hàng Việt Nam thì sao?”

“Ôi chao! Nghe đâu thằng đó đưa bà vào bệnh viện Chợ Rẫy mấy lần rồi nói hết tiền. Dì Công mới kể là giờ bà khổ lắm. Nằm liệt trên giường một mình một chỗ chú không được ai chăm sóc cả.”

Ngọc quay sang mẹ của Danh:

“Dì nghe tin dì Út ra sao hả dì Công?”

Dì Công đáp:

“Thì dì mới kể cho dì Chín là dì Út về đó chẳng được chăm sóc như bên này. Chồng dì già quá đâu đỡ đi lên được. Còn mấy đứa con gái Út thì phải lo việc buôn bán, đồng áng chú có rảnh được đâu mà cận kề cả ngày. Nghe nói là dì nằm liệt một chỗ không được đỡ lên nên nóng rát cả lưng. Trời thì nóng nực và đầy muỗi nên lúc nào cũng phải bỏ mùng sùm sụp, tối tắm tội nghiệp lắm!”

Ngọc hỏi:

“Hùng kể cho dì nghe hả?”

Dì công lắc đầu:

“Không có, thằng Hùng nó đưa đi về rồi sang Boston ở luôn ở trên. Con Như gọi về gia đình hỏi thăm đi hoài nên biết tin. Nó làm nail về trẻ. Chập nữa nó tới, hỏi nó là biết rõ hơn.”

Dì Công vừa dứt lời, vợ chồng Danh Như mở cửa bước vào khiến Thi nói đùa:

“Phải chi hỏi tiền hỏi bạc như thế này thì đỡ biết mấy!”

Danh hỏi trong lúc để dép ngoài cửa để bước vào:

“Chuyện gì? Chuyện gì mà tiền với bạc?”

“Chuyện tiền bạc gì đâu! Đang hỏi vợ ông thì vợ ông xuất hiện. Phải chi hỏi tiền đâu mà tiền xuất hiện như vậy thì đỡ biết mấy!”

Như hỏi:

“Chuyện gì mà hỏi tui?”

Thi hát hàm sang Ngọc:

“Chị Ngọc đang hỏi Như về dì Út kia!”

Ngọc nhìn Như lo lắng hỏi:

“Em nghe tin dì Út thế nào?”

Đến ngồi cạnh Ngọc, Như nói:

“Bà Út về được con cái chăm sóc tử tế nhưng khổ lắm chị à! Bởi vì chỗ bà ở Hậu Giang miết trong huyện Thốt Nốt mỗi lần đưa bà đi khám bệnh phải chuyển bà lên xuồng, chở qua con hẻm, đưa đến con lộ cái rồi mới đưa được lên bệnh viện ở Thành Phố.”

“Vậy người nhà đi không sử dụng chiếc xe lăn mà viện dưỡng lão ở đây cho sao?”

“Có chớ chị! Nhưng mà, nó chỉ dùng ở trong nhà chứ đường hẻm ở xóm nhà bà Út sinh lầy lún bánh dầu có đẩy được! Còn khi muốn đem nó theo thì phải khiêng lên xuồng, lên xe dò rồi đến chỗ nào đường bằng phẳng mới đẩy.”

“Chị còn nghe dì Công nói chỗ dì ở nóng nực và nhiều muỗi lắm”

“Dạ đúng vậy, nhưng con gái bà có sắm cho bà một chiếc quạt máy.”

Dì Tâm chép miệng:

“Đã nói là hãy suy nghĩ cho kỹ trước khi tính chuyện về mà bà đâu có nghe. Bây giờ phải làm sao?”

Dì Anh nói:

“Thì giờ mình gom tiền về giúp chỉ chú biết làm sao! Mấy người trong chung cư Park Road đã góp được chùng này rồi. Giờ mình nhờ con Ngọc viết thư, ghi tên ra từng người cụ thể để gửi về cho chỉ. Chị Chín cho tờ giấy, cây viết để con Ngọc viết thư đi!”

Nhận tập giấy từ tay dì Chín, Ngọc ghi ngày, lời thăm hỏi rồi liệt kê thứ tự tên từng người và số tiền họ gửi tặng cho dì Út theo lời báo của dì Anh. Trong lúc đọc lại bức thư mình vừa viết, nàng bỗng nghe dì Hoa nói:

“Tôi nghe nói bà có viết thư nhờ thằng Hùng chuyển đến thằng Hòa và con Ngọc hỏi bộ Xã Hội xin sang đây lại được không. Mà tôi không nhớ thằng Hùng gửi bức thư ấy cho ai ở ngoài chung cư Park Road.”

Ngọc thẳng thốt nhìn sang Như hỏi:

“Có thực là dì Út muốn sang lại đây không Như?”

“Dạ có. Bà Út có ý định hỏi chị và anh Hòa xin cho bà sang lại đây, nhưng không được thì thôi. Vì bà cũng biết là rất khó khăn khi bà đã cắt tất cả.”

Không nói gì, Ngọc cúi mặt xuống, giả như viết thêm vào bức thư chưa hoàn tất. Lòng đau như cắt, nàng than thầm:

“Dì Út ơi! Làm sao con có thể xin đi sang đây lại đây được nữa? Con biết đi khổ nhưng con làm gì được đây? Có phải vì ‘mùi cơm sôi cạn nước’ mà đi ra nông nổi như thế này không?”

Cung Thi Lan

(Maryland)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Có Những Màu Đỏ

Le Văn Khoa 

Trong bài “Vài Ảnh Trẻ Con” tuần qua có những tên ảnh bằng tiếng Đức, tôi không hiểu vì tiếng Đức dù nghĩa trắng hay nghĩa đen tôi đều đốt. May quá có một độc giả phương xa đọc bài này và dịch nghĩa như sau: Ảnh số 1 “Bitte” có nghĩa là “Please”, anh chàng trai làm lỗi nên cô gái hờn, chàng năn nỉ xin nàng đừng giận nữa. Ảnh của nữ nhiếp ảnh gia Martina Brandstetter.

Ảnh số 2 “Bussi Bussi!” có nghĩa là “Kiss, Kiss!”. Tên ảnh hấp dẫn quá.

Ảnh số 6 “Absolut Ehrlich” có nghĩa “Absolutely Honest”.

Trong những trường hợp này, tên ảnh đóng góp thật nhiều để giúp người xem hiểu rõ nội dung của ảnh hơn. Nhưng giám khảo thì không biết tên của ảnh và cũng không biết tên tác giả. Họ chấm ảnh theo cảm nhận của họ trong lúc xem ảnh.

Chúng ta sẽ trở lại đề tài ảnh trẻ con trong một kỳ tới. Hôm nay mời bạn đọc xem vài ảnh với chủ đề màu đỏ. Tôi không đề nhiều thì giờ để luận bàn về màu đỏ và ý



“Mùa Ớt Đỏ” Weng Lien Phen

nghĩa của nó. Mời bạn đi thẳng vào hình ảnh sau đây:

Mùa ớt chín rộ người ta phải vận dụng đàn bà con gái ra xô xâu ớt để bán và để phơi khô dùng về sau. Ớt là thứ gia vị rất phổ thông của người Á Châu, Địa Trung Hải, và Mỹ Tây Cơ. Ớt được dùng như gia vị cho thức ăn. Đây là hình ảnh thường thấy ở miền quê Trung Hoa và Việt Nam. Hai người đàn bà bị ớt đỏ bao vây như vậy mà vẫn chịu được mùi cay của ớt một cách đáng khen. Weng Lien Phen, một tay ảnh Trung Hoa cho hai bà mặc áo xanh đậm và quần đen, đầu quấn khăn đen, một phần lớn với màu đỏ bầm của ớt chín khô.



“Girl with red towel out of window”
Natalia Moroz

Dường như người ảnh, từ những xứ đã từng bị nhuộm đỏ, dùng màu đỏ mạnh bạo hơn người khác. Nhiếp ảnh gia Natalia Moroz của Ukraine trang trí toàn ảnh bằng màu đỏ. Hoa trong bình nơi chân cô gái màu đỏ. Tranh trên tường cũng

có màu đỏ, những sợi đứng thẳng của vách tường là màu đỏ bầm. Cô gái mang giày đỏ, vớ ống màu hồng, môi và quàng mắt màu hồng, tóc cô màu đỏ hung hung bay lòa xòa. Phần màu đỏ lớn hơn hết là vải quần thân cô. Điều đó không lạ, nhưng lạ ở điểm đuôi khăn vải rất dài bị gió cuốn kéo ra bên ngoài khung cửa sổ màu đỏ mà ở bên ngoài hoa tươi cũng màu đỏ. Chưa hết, vòng ribbon nơi tay trái của cô cũng bị cuốn ra cửa sổ luôn. Ảnh được tạo với xảo thuật rất hay, nhưng nó có ý nghĩa gì không?

Thử nghĩ một quốc gia đã bị Nga đô hộ ngót 70 năm, có trên 10 triệu người bị Nga giết, những nhạc sĩ mù cũng bị giết hằng loạt, vô số người trí thức bị đày đi Siberia, người dân trở nên dè dặt, kín miệng, lạnh lùng. Những chuyện kín đáo ở trong nhà dường như qua cửa sổ mà bay ra ngoài hết. Chiếc khăn quần che thân cũng bị cặp mắt bí mật từ bên ngoài kéo tuột ra hết để xem có giấu gì bên trong không. Theo tôi ảnh này không phải chỉ có ý nghĩa đơn thuần của nó với cái tên rất mộc mạc là “Girl with red towel out of window” nhưng có ý nghĩa ngấm thật lớn. Con gió lốc nào có thể kéo khăn quàng xuyên cửa sổ mà ra ngoài? Bên trong nhà cũng như bên ngoài không có dấu hiệu gì chứng tỏ có một chút gió. Thế mà giải khăn lớn, chắc chắn không nhẹ lắm, đã bị cuốn gọn và kéo ra bên ngoài khung cửa để có thể phô bày cô gái trọn vẹn mà không còn chút gì che thân. Ảnh này có mang một sứ điệp chứ không thuần là một ảnh đẹp.

Rất may Ukraine ngày nay không còn bị Nga cai trị mà đang trên đường dân chủ hóa theo Tây Phương.

Mời bạn vào một xứ đang bị nhuộm đỏ là Trung Hoa. Tác giả Phan Xiaolin của Trung Hoa cho tác phẩm mình một cái tên rất dễ nhận đồng thời cũng rất khó hiểu, là “China Red”. Màu đỏ Trung Hoa là màu đỏ gì? Chúng ta ai cũng hiểu từ “đỏ” để ám chỉ cộng sản. Ở đây là

“màu đỏ Trung Hoa” chứ không phải “Trung Hoa đỏ”.

Một cô gái trắng nõn nà, nằm ngửa, gác chân lên bực cao. Cô mặc áo ngắn tay, hở cổ màu đỏ, nằm trên thảm đỏ, phủ toàn cảnh bằng vải đỏ, chỉ chừa mặt, cổ, ngực, hai tay và hai chân ra ngoài. Tay mặt còn cầm cây cung của đàn và gác lên trên chiếc đàn violin để nằm ngửa. Nhìn vào ta thấy có sự liên kết giữa người và vật để hợp với chủ đề mà tác giả muốn nói. Quyển sách nhạc nằm bên cạnh. Mời bạn đóng vai thám tử để xét xem việc gì xảy ra trong tác phẩm China Red này.

Bạn có thể đề ra nhiều tiếng đồng hồ suy luận xem cô gái này nằm ngủ hay bị giết chết. Dù cô đang nằm ngủ hay bị giết chết, tay mặt không thể còn giữ chặt cung đàn. Thôi, hãy để các thám tử suy xét đề án này. Riêng tôi, tôi thấy tác giả cố tình dàn cảnh rất khéo để chụp hình.



“China Red”: Fan Xiaolin

Có những chi tiết có thể không cần thiết lắm là những chiếc lá vàng rơi rắc trên vải đỏ. Chúng có công dụng làm bớt những khoảng trống với sự hòa hợp của màu sắc, nhưng quá gượng ép. Tôi tiếc cô gái “bị” che kín nhiều quá. Có vài chỗ để hở ra mà không lóa lờ, ví dụ hai vai áo. Cô mặc áo cổ vuông tạo một đường thẳng ngang ngực thành mắt nét dịu dàng của lớp vải che sơ sài có vẻ nửa úp nửa mở để kêu gọi người xem. Người xem tưởng tượng nhiều,

ảnh sẽ có kết quả nhiều hơn. Cô gái mệt quá vì bị giam vào một chỗ để dợt đàn, hay chết theo tiếng đàn, hay bị chế độ Trung Hoa Đỏ diệt đi một tài năng đang lên? Cái gì cũng có thể xảy ra, duy chỉ có một điểm sơ hở nặng là quyển sách nhạc để lộ nhạc trong sách không phải là nhạc viết cho nhạc sĩ violin sử dụng.

Lê Văn Khoa
(California – USA)

KHI NHÀ THƠ CẦM BÚA

khi nhà thơ cầm búa
là biết phải đóng con chữ vào đầu
để mắt nhân gian ba chiều đọc được
trong không gian vừa vắn trước sau
dù mưa nắng chông chênh
dù gập ghềnh thế sự

khi nhà thơ cầm búa
là câu chuyện ngụ ngôn
của kẻ cùng tử mở cửa hư không
cho những đứa con tinh thần
hào sảng rong chơi giữa cõi trời và đất
vượt qua bi tráng để tồn tại
vượt qua băng hoại để làm người
đứng trước gương soi chân thiện mỹ
chưa một lần khắc kỷ với từ tâm!

khi nhà thơ cầm búa
là khẳng định những tì vết

con chữ đi qua trên vách thời gian
còn long lanh giọt lệ hồng
từ những tấm lòng nhân ái
rót yêu thương
vào chữ nghĩa cuu mang

khi nhà thơ cầm búa
là tự nguyện dẫn thân
vào công trình phát thảo từ những con tim
muốn gieo trồng trong vườn hoa đời
những đóa hoa tình bất tử
và khi những thanh từ tỏa âm
theo tiếng dương cầm hào sảng vút lên
cũng là lúc nhà thơ cất chiếc búa vào lòng
mỉm cười mãn nguyện
với câu chuyện ngụ ngôn
khi nhà thơ cầm búa!

Cao Nguyên
(Maryland)

TRANG SỬ GIỮ NƯỚC, CHỐNG NGOẠI XÂM TRONG BUỔI ĐẦU NỀN TỰ CHỦ

(Phần Ghi Chú, tiếp theo số báo Cỏ Thơm 53)

Đào Đức Chương

[06] Nguyễn Văn Mại; Việt Nam Phong Sử, bản dịch của Tạ Quang Phát (Sài Gòn, Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa xuất bản, 1972), trang 76.

[07] Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, bản dịch, tập I, trang 221: "... Quân Tống lui, lại đến Sông Chi Lăng (khúc Sông Thương chảy qua Chi Lăng thuộc Tỉnh Lạng Sơn). Vua sai quân sĩ trá hàng để dụ Nhân Bảo, nhân đó bắt được Nhân Bảo, đem chém."

[8,9] Phạm Ngô Minh ố Lê Duy Anh; Nhân Vật Họ Lê Trong Lịch Sử Việt Nam (Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2001), trang 27, 28; trích bài Trường Thi Lê Đại Hành.

[10] Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Ngô Đức Thọ dịch tập I (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993), trang 237 chép bài sấm không có câu: "Đông A nhập địa, Dị mộc tái sinh"; nhưng trong Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, nhóm Hoa Bằng dịch (nxb Giáo Dục, 1998), tập I, trang 280 có thêm hai câu này. Thật vậy, nguyên bài sấm không có hai câu trên thì mới ăn khớp với ý hai câu kết, có lẽ đến cuối Đời Trần hay đầu Đời Hậu Lê, một người nào đó đã thêm vào, bởi lẽ Đại Việt Sử Lược (ra đời khoảng 1377- 1388), quyển II,

viết về Triều Lý có chép bài này nhưng chưa thấy hai câu trên.

[11] Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Ngô Đức Thọ dịch tập I, trang 238.

[12] Đại Việt là quốc hiệu thứ 7 của nước ta (nếu tính cả quốc hiệu Xích Quỷ thời Kinh Dương Vương và Nam Việt thời Triệu Đà, mà nay còn đang tranh cãi về sự chính thống của 2 quốc hiệu này).

Quốc hiệu Đại Việt tồn tại lâu dài nhất, 732 năm, từ Lý Thánh Tông lên ngôi (1054) trải qua các triều Lý, Trần, Hậu Lê, Mạc, Lê Trung Hưng, Chúa Nguyễn và 3 năm đầu của Gia Long (1804). Trong thời gian 750 năm (1054- 1804) tên gọi chính thức Đại Việt bị gián đoạn 27 năm từ nhà Hồ đến hết Minh thuộc (1400- 1427).

[13] Đền Lý Bát Đế thờ 8 vị Vua Nhà Lý, còn gọi là Đền Đô, hay đền Cổ Pháp, ở Làng Đình Bảng, Tổng Phù Lưu, Huyện Đông Ngàn (hay Đông Ngạn ?), Phủ Từ Sơn, Xứ Kinh Bắc; nay thuộc Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh. Làng này là quê hương của Lý Công Uẩn, lúc khởi lập có tên là Diên Uẩn, giữa thế kỷ thứ VIII đổi là Cổ Pháp, từ cuối thế kỷ XIII đến nay là Đình Bảng.

Các vị Vua Nhà Lý khi qua đời đều yên nghỉ ở khu Thọ Lăng Thiên Đức giữa đồng ruộng quê nhà. Hằng năm, vào ngày 15 tháng 3 âm lịch, kỷ niệm ngày Lý Thái Tổ đăng

quang, các vị vua của những triều đại sau đều về Đền Đô làm lễ quốc tế:

Theo văn bia lập năm 1994, Đền Đô rộng 31250 mét vuông, với trên 20 hạng mục công trình độc đáo. Nổi tiếng nhất là Cửa rồng, nhà tiền tế, nhà chuyển bông, đền chính thờ 8 vị Vua nhà Lý, điện thờ Vua Bà, nhà bia, nhà kiệu, nhà ngựa, văn chỉ, võ chỉ, thủy tọa, thủy đình, hai bên cầu hàng hiệ. Năm 1952, Đền Đô bị chiến tranh phá hủy hoàn toàn. Năm 1989 dân Đình Bảng với sự công đức của khách thập phương đã khởi công xây dựng lại Đền Đô theo nguyên mẫu xưa.

[14] Tên gọi hiện nay là Champa hay Chăm; còn có các tên khác như: Chăm Pa, Chàm, Chiêm, Chiêm Thành, Hoàn Vương, Lâm Ấp, Hời (ít dùng). Người Việt quen gọi là Chàm (như: tháp Chàm, gò Chàm) hay Chiêm Thành (như: dân tộc Chiêm Thành, Chiêm quốc); người Champa gọi dân tộc họ là Chăm.

[15] Lý Thường Kiệt (1019- 1105), nguyên có tên là Ngô Tuấn, con của Sùng tiết Tướng quân Ngô An Ngữ và cháu 6 đời của Ngô Quyền, tự là Thường Kiệt, làm quan trải ba Triều Thái Tông, Thánh Tông và Nhân Tông, có tài văn võ, thăng dần đến chức Đôn quốc Thái úy Đại Tướng quân Đại Tư đồ. Ông có công lớn trong việc phá Tống bình Chiêm, được ban hiệu Thiên Tử Nghĩa Nam, theo họ vua và lấy tự làm tên là Lý Thường Kiệt.

Theo sử sách cũ, Ông người phường Thái Hòa, Thành Thăng Long (nay ở phía nam đê Bách Thảo). Nhưng Theo Thơ Văn Lý Trần, căn cứ vào bài văn khắc trên chuông chùa Bắc Biên, mới phát hiện gần Hà Nội, và cuốn Tây Hồ Chí, quê quán Ông ở làng An Xá cũ,

huyện Quảng Đức, thuộc khu vực phía Nam Hồ Tây trong thành Thăng Long; còn địa danh Thái Hòa chỉ là nơi Ông trú ngụ sau khi làm quan triều Lý.

[16] Chế Củ tức Cri Rudravarman III (1061- 1074) đời thứ 3 là vị vua cuối cùng trong triều đại thứ VIII của Nước Champa. Ông là em của Vua Bhadravarman III, thư tịch Trung Hoa phiên âm tên ông là Thi Lý Luật Đồ Bàn Ma Thường Dương Bạc, hay Dương Bốc Thi Ly Luật Đà Bàn Ma Đề Bà, sử Việt ghi là Chế Củ. Năm 1068, vua Chăm cho quân đánh phá vùng đất phía nam của Đại Việt, khiến Lý Thánh Tông phải đem quân vào Champa chinh phạt.

[17] Châu Bố Chánh nay là đất các Huyện Tuyên Hoá, Quảng Trạch, Bố Trạch; châu Địa Lý là Huyện Lệ Thủy và Quảng Ninh ngày nay, đều thuộc tỉnh Quảng Bình. Châu Ma Linh nay là huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị.

[18] Lộ bố: Công văn không niêm phong, bài hịch văn truyền ra trong lúc chiến tranh tuyên bố thật rõ ràng lý do hành quân. Ngày xưa, vị tướng đem quân đến một vùng nào để đánh dẹp, thường niêm yết lộ bố, kể tội quân địch và nêu chính nghĩa của sự chinh phạt. Mục đích làm an lòng dân chúng ở địa phương đó và tranh thủ nhân tâm, một hình thức của tâm lý chiến.

[19] Phạt Tống Lộ Bố Văn: Bài này là một trong các Lộ bố của Lý Thường Kiệt làm ra trong lúc tiến quân vào đất Tống. Trần Văn Giáp tìm thấy trong một bản Việt Điện U Linh ở thư viện Khoa Học Xã Hội. Nhóm biên soạn Đào Phương Bình, chép vào sách Thơ Văn Lý

Trần, (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1977) tập I, trang 320.

[20] Thanh miêu, trợ dịch: Hai trong tám chính sách của Tể tướng Vương An Thạch (1021- 1086) đề ra gọi là Tân Pháp, nhằm cứu vãn Triều Đại Nhà Tống đang gặp khó khăn.

Thanh miêu là biện pháp triều đình lấy thóc chứa trong kho hay xuất tiền trong ngân khố cho nông dân vay để chi tiêu trong lúc cây lúa còn xanh, đến khi gặt hái xong người vay phải trả cả vốn lẫn lời 2 phân lãi. Hàng năm có hai kỳ: tháng giêng vay đến mùa hạ phải hoàn trả, tháng 5 vay thì mùa thu phải nộp.

Trợ dịch: Bất toàn dân phải làm sai dịch, tức là hằng năm dân chúng phải làm không công cho nhà nước một số ngày theo quy định. Năm 1064, nhà Tống ban hành thêm sắc lệnh có thể đóng tiền thay thế ngày làm. Trước kia, việc sai dịch được miễn cho người vị thành niên, con một, phụ nữ, người tu hành, gia đình quan lại; nhưng từ khi Họ Vương đề ra Tân Pháp thì những thành phần kể trên phải nộp tiền thay thế cho sai dịch, gọi là trợ dịch. Hai biện pháp này khiến nhiều người bất mãn.

[21] Quảng Nguyên: tên một châu vào Đời Lý, đến Đời Lê Quang Thuận (1460-1469) cải danh là Châu Lộng Nguyên, sang đời Hồng Đức (1470- 1497) đổi là Châu Quảng Uyên. Năm 1834 đổi là huyện, thuộc Phủ Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng. Huyện lỵ Quảng Uyên ở phía đông thị Xã Cao Bằng, cách 37 km, và cách Trùng Khánh 26 km. Năm 1976, Quảng Uyên thuộc Tỉnh Cao Lạng (nhập Cao Bằng và Lạng Sơn). Năm 1978, lại tách tỉnh, nhưng hai huyện Quảng Uyên và

Phúc Hòa hợp thành Huyện Quảng Hòa thuộc Tỉnh Cao Bằng.

[22] Quang Lang: châu đời Lý, đời Trần đổi là Châu Ôn; đầu thế kỷ 19 thuộc tổng Tràng Quế, châu Ôn, xứ Lạng Sơn; nay là Huyện Chi Lăng, Tỉnh Lạng Sơn.

[23] Đồng Đăng: xã thuộc Tổng Vĩnh Dật, Huyện Văn Uyên, phủ Trường Khánh, xứ Lạng Sơn; nay là xã thuộc huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Đồng Đăng cách Ải Nam Quan 4 km, có đường bộ đi qua Bằng Tường (nước Tàu) và thẳng đến Ung Châu.

[24] Tô, Mậu: tên hai châu đời Lý, nay là các vùng Nà Dương, Đình Lập, An Châu thuộc Tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang. Nà Dương hay Na Dương: nay là thị trấn thuộc huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn. Đình Lập: huyện thuộc Tỉnh Hải Ninh, từ năm 1978 sáp nhập vào Lạng Sơn. An Châu: thị trấn huyện lỵ Huyện Sơn Động Tỉnh Bắc Giang.

[25] Tổng hợp từ các bộ thông sử và chính sử: Đại Việt Sử Ký Toàn Thư bản Chính Hòa (niên hiệu Lê Hy Tông) khắc in 1697, Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Việt Sử Tân Biên của Phạm Văn Sơn, Quân Sử Việt Nam Cộng Hòa của Phạm Văn Sơn, Việt Sử Khảo Luận của Hoàng Cơ Thụy.

[26] Bài thơ Nam Quốc Sơn Hà chép trên đây trích từ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (khắc in năm 1697), ngoài ra có nhiều dị bản chép trong các sách: Việt Điện U Linh, Trương Tôn Thần Sự Tích, Thiên Nam Vân Lục Liệt Truyện, Hoàng Việt Thi Tuyển v.v... Theo Thơ Văn Lý Trần, tập I, trang 321, dị bản

trong Lĩnh Nam Chích Quái, câu 2: “Hoàng thiên dĩ định tại thiên thư”, câu 3: “Như hà Bắc lỗ lai xâm lược, câu 4: “Bạch nhận phiên thành phá trúc dư”.

Về xuất xứ bài thơ, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép: “Bính Thìn, Thái Ninh năm thứ 5 (1076)... Một đêm, quân sĩ chợt nghe trong đền Trương Tướng quân có tiếng đọc to...”, tuy bài thơ được gán là của “Thần” nhưng người đời sau vẫn hiểu tác giả là Lý Thường Kiệt. Và đã ghi vào các bộ sách lớn như: Lịch Triều Hiến Chương của Phan Huy Chú, Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Việt Nam Cổ Văn Học Sử của Nguyễn Đổng Chi, Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm, Lý Thường Kiệt của Hoàng Xuân Hãn, Việt Sử Tân Biên của Phạm Văn Sơn, Việt Sử Khảo Luận của Hoàng Cơ Thụy v.v... Nay bài thơ có thêm đầu đề “Nam Quốc Sơn Hà” do nhóm biên soạn Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam (tập II, trang 58) đặt ra.

Theo Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp, quyển nhì, trong truyện “Hai Vị Thần Long Nhãn Và Như Nguyệt” có bài thơ Nam Quốc Sơn Hà do thần Trương Hống và Trương Hát cao giọng ngâm vào ngày 21 tháng 10 (âm lịch) lúc canh ba, tại doanh trại giặc khi Vua Lê Đại Hành đánh Tống năm Tân Tỵ (981). Dù xuất xứ có từ thời Vua Lê Đại Hành hay từ Lý Thường Kiệt, bài thơ này được coi như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.

[27] Lê Văn Thịnh, người Làng Đông Cứu, Tổng Đông Cứu, Huyện Gia Định (sau là Gia Bình), Phủ Thuận An, Xứ Kinh Bắc; nay là thôn Đông Cứu, Xã Đông Cứu, Huyện Gia

Lương (Gia Bình và Lang Tài hợp nhất), Tỉnh Bắc Ninh. Là người đỗ đầu trong khoa thi đầu tiên của nền Hán Học Việt Nam: Khoa Minh Kinh Bác Học Cập Nho Học Tam Trường vào năm Ất Mão, niên hiệu Thái Ninh 4 (1075) đời Lý Nhân Tông. Ông giữ chức Thị lang bộ Binh, năm Giáp Tý (1084), dẫn đầu sứ bộ nước ta đến trại Vĩnh Bình (thuộc Châu Ung Châu, tỉnh Quảng Tây; giáp giới với Huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn của ta) thương lượng với sứ bộ nhà Tống là Thành Trạc (Cheng Zhuo), đòi lại phần đất (thuộc Tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng ngày nay) mà vào cuối tháng 2 năm 1077 Quân Tống rút về nước nhưng còn giữ lại (6 huyện với 3 động), và năm 1078 nhà Tống chưa chịu trả hết. Việc đòi đất thành công, ông được thăng hàm Thái sư. Sau vì có kẻ ganh ghét, năm 1096 ông bị khép tội “mưu phản”, bị đày lên Trại Thao Giang (tên trại vào thời Lý, đời Trần đổi ra lộ; nay là vùng Huyện Sông Thao, Tỉnh Phú Thọ) và mất ở đó.

[28] Phạm Văn Sơn; Việt Sử Tân Biên, quyển I, trang 389.

[29] Giao Chỉ: nay là vùng đất Hà Nội, Hưng yên, Nam Định Ninh Bình. Vậy Giao Chỉ là một trong 15 bộ của nước ta thời xưa gồm Văn Lang, Châu Diên, Phước Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài An, Cửu Đức, Bình Văn, sau thêm Việt Thường (Quảng Bình, Quảng Trị); nhưng người Tàu thời ấy quen gọi nước ta là Giao Chỉ.

[30] Quảng Nguyên: xem ghi chú 21.

Đào Đức Chương
(Paris)

HƠI RƯỢU MÙA XUÂN

Niềm vui giản dị
Như lá cây xanh
Cột đèn cùng gió
Trước cửa phòng anh.

Tự do trải cánh
Bay vút trời xanh
Trong hơi rượu mạnh
Em đã cho anh.

Tin chẳng được nhĩ
Em nhỏ rất xinh:
Tình yêu thơm ngọt
Tự do riêng mình.

Phải chăng tặng phẩm
Em hiến cho anh
Hôm nay xuân đến
Trong thoáng gió lành?

Như hơi rượu mạnh
Dâng nhẹ trong anh
Những bong bong nổi
Bay tít trời xanh.

Yêu em nhiều lắm
Quý em thật tinh:
Nói thêm lần nữa:
Cám ơn em xinh!

Kim-Vũ
(San Jose, CA)

A TASTE OF MARTELL IN SPRING

My joy is so simple,
like the green shade of leaves
frolicking in the spring wind
outside my window sill.

Freedom spreads its wide wings
like birds in the blue sky planing
in the strong taste of spirits
that you've given me this season.

Would you believe it,
what you were able to bring:
A sweet love for me to enjoy alone,
and complete freedom in my heart.

Is it truly the gift
that you're graciously offering me
as this new spring is coming
when a soft breeze begins to breathe?

Like the invigorating taste
of Martell that is rising high in me,
bubbling with a pure, clean sensation,
bursting in the heavens high up.

I love you so much,
and am so grateful to you for your feelings,
so I want to tell you from the bottom of my heart:
Thanks again, my little darling!

Kim-Vũ
(San Jose, CA)

Làm Thơ Trong Tù

SONG NHỊ

Theo tôi, trong tất cả các tác phẩm văn học, những tác phẩm viết về tù ngục được coi là những kiệt tác. Kiệt tác không hẳn bởi giá trị văn chương mà là do tính chất thể hiện nội dung bằng tất cả tự sự mà tác giả “mọi gan móc ruột” ra để diễn đạt nỗi lòng và cảnh ngộ.

Trong kho tàng văn học sử nước ta, thơ tù hầu như không có. Suốt một thời kỳ Văn Học sử Việt Nam chỉ có một áng thơ tù duy nhất, đó là Tự Tình Khúc của Cao Bá Nhạ. Cao Bá Nhạ là cháu gọi Cao Bá Quát bằng chú. Năm 1854 CBQ theo Lê Duy Cự khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn. Việc không thành, nhà họ Cao bị tru di tam tộc.

Cao Bá Nhạ sau 8 năm trốn tránh, cuối cùng bị bắt giam; bị bức hại vô cùng oan khiên bởi một thứ luật pháp cực kỳ phi lý và bất nhân của chế độ phong kiến. Cao Bá Nhạ đã viết Tự Tình Khúc trong cảnh ngộ oan ức đến ứa máu ấy:

*Cảm hoài khi tựa mấy câu
Nghêu ngao đồng tử tiêu sầu năm ba
Đuôi con mắt châu sa thấm giấy
Đầu ngón tay máu chảy pha son.*

Tự Tình Khúc là một tác phẩm gồm trên 600 câu thơ mà nhà văn Ngô Tất Tố cho rằng “đọc hết ... tưởng đến cái kết cục thể thảm của tác giả, thiên cổ phải chau mày nghiêng rặng”.

Sang thời kỳ Văn Học Sử Việt Nam ở thế kỷ 20 rất hiếm hoi những ấn bản thơ tù có sức mạnh tác động đến cả một giai đoạn lịch sử của dân tộc, mà phải đợi đến biến cố chính trị 30-4-1975 khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay CS. Nửa đất nước tự do bị sụp đổ, mọi giá trị tinh thần bị đảo lộn, đời sống người dân bị bóp nghẹt. Hầu hết trong giới nhân sĩ trí thức bị khủng bố, tù đầy. Và chính từ lớp sĩ phu thời đại đó đã hình thành

một trường thiên thơ ca tù ngục vô cùng cảm động và phong phú.

Cho tới nay chưa có một công trình nào có tính cách vận động quy mô để sưu tập, đúc kết và biên soạn thành một tác phẩm đồng bộ, mang tầm vóc tương xứng với biến cố lịch sử 1975.

Ở trong tù có rất nhiều người làm thơ. Có những nhà thơ “bất đắc dĩ”; có những nhà thơ “nghệ thuật”. Thơ bật ra từ những ấn ức, đau đớn, uất nghẹn.... Thơ Tù do đó là lời chứng của những nạn nhân truyền đạt đến các thế hệ tiếp nối theo dòng lịch sử và văn học sử nước nhà.

Những ngón đòn độc địa trong các trại tù cải tạo, qua những nhà-thơ-tù-nhân-chính-trị, tù-nhân-lương-tâm viết từ trái tim rướm máu, từ những nỗi quặn đau, tủi nhục, thể hiện bằng sự khẳng khái hào hùng, nhân bản mà tác giả ghi lại như một “lời chứng”, một kỉ niệm cho mình và cho đời.

Nhà thơ Tô Thùy Yên đã ghi lại cuộc hành trình trên đường lịch sử từ Nam ra Bắc với những chấn động hung hãn của thời đại. Còn nỗi đau đớn tột cùng nào bằng nỗi đau khi nhà thơ nghe cả hồn mình bị đoàn tàu cán nghiền:

*Ngồi đây giữa những phân cùng bụi
Trong chuyến đời xung sát bạo tàn
Ta trở thành than, thành súc vật
Tiếng người e cũng đã quên ngang*

...

*Đã mấy năm nay quần quai đói
Thèm ăn như đứa trẻ con nghèo
Mẹ ơi, con nhớ thời thơ dại
Nhớ miếng ăn mà mẹ chất chiu*

(Tàu Đêm)

Tàu Đêm của Tô Thùy Yên là tàu hỏa, còn có những chuyến tàu đi từ Tân cảng Xa Lộ ra biển Bắc, nỗi kinh hoàng ập lên thân phận người tù cũng không kém. Nhà thơ tù Nhất Tâm Lê Bá Phùng, cũng đã ghi lại:

Bốn ngày dài trên biển nhồi sóng lấc

*khỏi tù nhân ói mưa mặt xanh
Người với phần chung nhau khôn đón
dưới hầm tàu la liệt hôi tanh
(Viễn Xứ Lao Trung)*

Phan Nhự Thức với bài “Thơ Tình Trong Trại Cải Tạo”:

*Đã cạn dòng thơ từ buổi đó
Buổi xa rừng chim cất giọng khan
Chiếc lồng nhỏ giam đời bé nhỏ
Cõi ngời mơ là dấu chấm than
....
Chỉ còn lại muỗi ruồi ve vãn
Nỗi buồn dài buồn tủi thịt da
Mất sâu thẳm nửa đời chờ sáng
Một người tù gói mộng xót xa*

Nhà thơ Nguyên Huy từ Bắc chuyển về cùng trại Z30A với tôi. Lúc trong tù tôi đã được đọc bài thơ “Hai Hàng Cây So Đũa” anh viết sau khi vợ đến trại tù Z30A thăm, từ biệt trước khi vượt biên. Bài thơ được người bạn tù gần gũi với tôi, anh Nguyễn Thành Trọng, tức nhạc sĩ Trọng Minh phổ nhạc từ trong tù, đã được đưa vào trong một DVD của Asia.

*Hai hàng cây so đũa
Đứng lặng nhìn xe qua
Lên thăm anh lần cuối
Hàng cây cũng nhạt nhòa*

*Đường còn chao sóng biển
Trùng dương thật mệnh mỏng
Bờ tự do réo gọi
Hợp tan rồi có không?*

Nhà thơ quá cố Trần Thúc Vũ trong vực sâu lao lý mãi từ rừng núi Hoàng Liên Sơn vẫn nhìn lên bầu trời cao rộng:

*Ta từ sóng nước tương phân
Đó hồn lau sậy đây thân cát lầy
Ngựa cùng ganh sức chim bay
Vực sâu vẫn một cánh tay níu trời*

Nhà thơ Diên nghị đón tết mừng xuân ở rừng Yên Bái, đã ngâm ngùi nhưng vẫn kiên định sắt son:

*Ba Tết lướt qua tù cải tạo
Khổ sai lao động rã mòn hơi
Trang sử ngàn năm sau thua trận
Tình nhà nghĩa nước thuở nào người
Kề nhau ngồi sát chuyện hơi ấm
Mất sáng niềm tin, lửa rạng ngời.*

Nhà thơ Lê Nguyễn, người tù 13 năm khổ sai khi lên xe từ già chốn địa ngục rừng hoang, hổ phân ruộng đĩa, cảnh ngộ kiếp người như đầu thai vào loài thú vật đã đưa tay vẫy chào những năm tháng hải hùng ghê rợn, vẫy chào những người còn ở lại, vẫy chào những bóng dáng oan hồn của bạn bè chiến hữu nằm lại bên đồi lau, bãi sậy:

*Thôi nhé chào em – trái núi, ngọn đồi
Ruộng đĩa hổ phân, rừng giang bãi nữa
Chào đêm đông giữa nhà đốt ba đồng lửa
Sáu áo ba quân vẫn rét công xương*

*Xin chào nhé em – bẻ mắt vai tương
Dồi lúc nhúc ngàn con
Đàn lãnh về nhắm mắt chia nhau nuốt vội
Mẹ Việt Nam ơi, chúng con làm gì nên tội
Người nuôi người hay người nuôi ngựa trâu?*

*Chúng tôi về đây (sau 13 năm lưu đày)
Các anh còn ở lại
Biết nói sao hơn, trước nỗi tình này
Rồi sẽ đêm đêm quanh đồi lau bãi sậy
Vật vương bóng oan hồn
cất giọng quốc canh thâu!
(Thôi nhé chào nhau – thi phẩm Giữa Dòng)*

Tôi tin chắc Thơ Tù còn bát ngát trong hàng ngũ H.O mà chưa có ai thu thập, hệ thống lại thành một tác phẩm đồng bộ.

Bài thơ tù đầu tiên tôi làm trong đêm 16-6-1975 trong khi chúng tôi sắp hàng ngồi giữa sân trường Chu Văn An 11 giờ đêm đến sáng để chờ di chuyển. Ngày đó đang trong thời tiết

mùa Hạ nhưng bầu trời xám đục, ngoài kia phố xá im lìm, những ngọn đèn đường hiu hắt như chia sẻ tâm trạng của những con người một thời của thành phố thân yêu đang ngồi chờ “chuyến xe định mệnh”. Tôi ghi vào trí nhớ bài tứ tuyệt “Đêm Sân Trường Chu Văn An”:

Trăng đêm gói đất nhìn trời

Trăng sao mờ mịt đêm bồi hồi đêm

Phố trở về mây cột đèn

Trong ta lòng đã ướt mềm sương khuya.

Tại Làng Cô Nhi Long Thành, nơi tập trung trên ba nghìn quan chức chính phủ VNCH, buổi sáng 17-6-1975 những đoàn xe từ các điểm tập trung ở Sài Gòn - Gia Định chở người đồ xuống, cả khu vực ngọn đồi sương mù phủ kín, đen kịt, tôi nắm tay một người bạn vong niên, “Ông Già Sơn”, đọc cho ông nghe bốn câu lục bát:

Sương mù lấp ngọn đồi hoang

Bốn phương hội tụ một làng về đây

Biển dâu ai khéo sắp bày

Trăm năm thân thế một ngày ấy sao?!

(Ngày đầu tiên tại Long Thành)

Ông già nhìn tôi cười và bóp mạnh tay tôi. Một tháng sau, trong khi phát hoang đồi cỏ, tôi đọc cho ông già nghe bài Đàn Ngựa Hồng Trên Cánh Đồi Hoang, ông già bảo tôi: “Anh nhớ giữ lại, về sau này mà viết ra”. Từ đó, hầu hết những bài thơ làm xong tôi đều đọc cho ông nghe. Ông thích nhất bài Đàn Ngựa Hồng Trên Cánh Đồi Hoang và Tiếng Hòn Chiến Mã. (ông đã mất tại Sài Gòn. Tôi có đề cập về ông trong sách NTKVN)

Trong đời sống thường nhật của tù cải tạo giữ lấy được những bài thơ của mình đã là khó. Giữ được, đem lọt qua các cửa ải lục lợi, khám xét trước những lần chuyển trại là điều khó khăn gấp trăm lần. Thường khi làm xong một bài thơ, tôi học thuộc lòng. Cách an toàn nhất là cất giữ những bài thơ đó ở trong đầu. Lâu dần, số lượng bài thơ tăng thêm nhiều, “bộ nhớ” không đủ khả năng ghi lại nữa, tôi phải viết ra giấy. Tôi xếp nhỏ bằng nửa bàn tay để dễ giấu và dễ thủ tiêu khi có “biến”. Tại phân trại B Lam Sơn (Thanh Hóa) trong một lần lục xét đồ

đạc, quần áo của tù, tôi bỏ xấp thơ vào nón lưỡi trai, đội lên đầu, hy vọng không có màn khám xét thân thể. Nhưng khi thấy một số bạn tù bị sờ nắn túi quần, bắt cởi áo, bỏ nón ra, tôi sợ hãi, tuân mô hô hô. Một viên công an thấy, hỏi tôi: “Anh này sao vậy?” Tôi trả lời: Thưa, tôi đau bụng, xin cho tôi đi ngoài.”

Được gặt đầu, tôi chạy ra cầu tiêu công cộng, gỡ nón thả cả tập thơ xuống hố!

Đã có không ít những tù cải tạo chỉ vì một bài thơ, một lá thư, hay một bài viết mà đã bị đem cùm, bị biệt giam, bị ngược đãi đến chết.

Sau những lần khám xét như vậy, lại phải làm lại. Tôi chép hết những bài thơ không thuộc. Mỗi câu thơ chỉ chép ba chữ đầu, chép khít nhau thành một trang như văn xuôi, vô cho nhau nát, nhét vào túi xách, vào túi quần áo rách và mỗi ngày học thuộc.

Ngoài “thơ riêng” của mình lén lút cất giữ, còn một loại “thơ chung” là thơ viết cho báo tường vào dịp Tết. Loại thơ này cũng khá đa dạng, nó phản ảnh khuynh hướng tư tưởng của tác giả. Có những bài thơ ca ngợi “cách mạng”, có những bài thơ “vô thường vô phạt”, hoặc có ẩn ý “xò xiên” chính sách khoan hồng của đảng.

Một lần ở phân trại C (Lam Sơn), một “vị” nằm cạnh tôi nguyên là Thẩm phán Tòa án Quân sự ở số 4 Bến Bạch Đằng/ giảng sư Trường Đại học Minh Đức (Mr. Lu T. H) khen bài thơ tôi viết cho báo tường, một bài thơ vô thường vô phạt, hay dở tùy cảm nhận từ “tư duy” của người đọc. Hôm sau tôi lén trao cho ông một bài “thơ riêng” tôi làm trong khi lội nước bị bõm, đào xới ruộng hoang. Bài thơ nhan đề “Từ Cối Hồng Hoang”:

Ta từ giữa cõi mù sa

Dấu chân dã thú lờ ca lạc loài

Tiếng ồn tự thờ sơ khai

Trút lên trần thế những lời vông ngôn

Nỗi đau chất ngát tâm hồn

Bờ vai em cũng nổi buồn hận căm

Trông vời cánh hạc xa xăm

Máu loang lưng ngựa vết hằn chiến thương

Ta chờ điệp khúc cải lương

Để đưa em lại thiên đường vọng mơ
 Ta chờ nhận nỗi đường tơ
 Đàn say cung điệu ngất bờ ái ân
 Ta thềm quên cả xác thân
 Để xin em bữa tiệc xuân địa đàng
 Ta chờ xóa vết chân hoang
 Về đem huyết sử viết trang chuyện đời
 Ta chờ người lại với người
 Xóa tan huyền thoại những lời vông ngôn.
 (Trích Tiên Hồn Chiến Mã tái bản, Cội Nguồn 2004)

“Vị” thẩm phán đọc xong, ông rón rén nhét trả bài thơ xuống dưới chiếu nằm của tôi và từ hôm sau không bao giờ ông lại gần tôi nữa, chỉ trừ đêm đêm nằm cạnh nhau, mạnh ai nấy ngủ.

Trong tù từ Nam ra Bắc, thỉnh thoảng khi làm xong một bài thơ thì thỉnh thoảng tôi cũng trao cho một người thân tin đọc. Đọc để như một nhân chứng cho một tập Thơ Tù mà tôi linh tính, sẽ có một ngày tôi được đọc công khai, được phổ biến những bài thơ của mình trong bạn hữu.

Thơ trong tù có sắc thái riêng. Nó chất chứa đủ thứ, từ cọng rau, hạt muối, sợi dây xích, chiếc còng số tám đến tình yêu, tiết tháo, danh dự, và sinh mạng của một con người.

Tôi không muốn đem đồ kỵ, hận thù vào thơ nhưng trong khổ đau quần quai, trong đê nén tủi nhục, thơ đã thốt lên thành tiếng và tôi đã in tập Tiếng Hồn Chiến Mã. Làm thơ trong tù không khéo là “dễ chết” lắm, và không ít người đã suy t, đã vào xà lim vì thơ.

Một vài trường hợp điển hình trong vô số trường hợp lý thú liên quan đến thơ tù. Năm 1980 khi chúng tôi còn ở trại Lam Sơn, anh Nguyễn Văn Sinh. (Th.tá/ Phòng Giáo Nghiệm Bộ TLCSQG), một người tù, làm thơ tù bị bắt g, bài thơ bị tịch thu. Theo luận điệu công an

gác tù thì bài thơ có nội dung “nhại theo thơ Hồ chủ tịch”, cũng ngồi trong song sắt, cũng nhìn ra sân chờ đợi được chén bo bo và tỏ ra không an tâm cải tạo. Người làm thơ tù này bị đưa ra họp kiểm điểm, một hình thức đấu tố nội bộ giữa hai phe tù “tiên bộ” và tiêu cực, trong hai đêm liền. Người bạn tù này bào chữa rằng: “... Có nhiều người khác cũng làm thơ. Và khi tôi làm xong những bài thơ tôi đều đưa cho các anh em khác đọc, như anh T. K. L. chẳng hạn. Điều này chứng tỏ thơ tôi không phải là thơ phản động...”

Dù đã viện lý do bào chữa, phe kết án thắng, kết quả anh bạn này đã vào nằm xà lim ba tháng. Phần tôi, mấy ngày sau, trong một cuộc khám xét công tư trang, tất cả mọi loại sách vở, giấy tờ của tôi đều bị tịch thu hết, nhưng có mấy chục bài thơ nằm trong đầu thì họ đã không thể nào khám xét và tịch thu được.

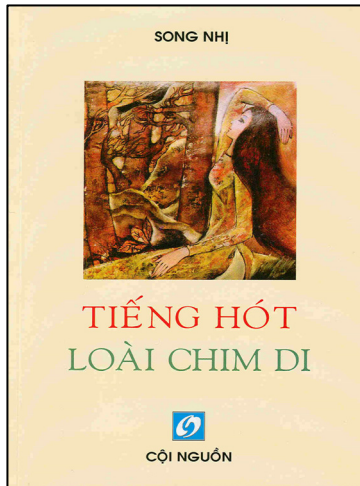
Một người tù, một nhà thơ khác, anh Lê Văn Chính. tức nhà thơ Lê Mai Lĩnh khi ở một trại tù ngoài Bắc, anh bị bắt g và bị tịch thu một số bài thơ có nội

dung "chống đối chế độ". Nghĩ rằng sẽ bị xử bắn, hoặc ít ra cũng sẽ bị vào xà lim với nhiều trận đòn hành hạ nên nhà thơ tù này đã viết một “thỉnh nguyện thư” gửi Trường Chinh và Lê Duẩn, đem tính mạng của anh đặt xuống “chiếu bực” để đánh cuộc với ban Giám thị trại tù (Xin xem thêm trang 345)

Với con số hàng trăm ngàn Sĩ quan, viên chức miền Nam bị tập trung cải tạo, ít ra cũng có đến hàng ngàn bài thơ tù mà sau 35 năm chưa có một tuyển tập nào quy tụ được vào một chỗ. Tôi tin chắc, nếu thực hiện được tuyển tập này, chắc chắn chúng ta sẽ có một tác phẩm lớn (một masterpiece) quý giá.

Trích Nửa Thế Kỷ Việt Nam tr.249 (tái bản, trong bản in lần thứ nhất không có chương này),

SONG NHI (San Jose)



ĐỌC “NỬA THẾ KỶ VIỆT NAM” CỦA SONG NHỊ

Nguyễn Ngọc Bích

Không hiểu tôi có làm không, nhưng cảm-tưởng của tôi là những ngày gần đây “văn-học H.O.” được mùa. Này nhé, đối với một người tương-đối thích đọc sách như tôi thì chỉ trong vòng có vài tháng, tôi đã được đọc những tác-phẩm của các cựu-tù-nhân chính-trị VN (hiểu là “cựu-tù-nhân” trong các trại tập trung gọi là “học tập cải tạo” của CS) như: Hồi-ký của Nguyễn Văn Lục, Hồi-ký Võ Long Triều, tạp-ghi của Huy Phương mà cuốn *Hạnh phúc xót xa* mới ra mắt cách đây hai tuần ở miền Đông đã là cuốn tạp-ghi thứ năm, chưa kể đến loại biên-khảo như *Việt Nam trong chiến tranh tư hữu* của Nguyễn Cao Quyền hay sách dịch, cuốn *I Must Live* dịch cuốn *Tôi Phải Sống* của L.M. Nguyễn Hữu Lễ. Rõ ràng là gần như có một phong trào mà sự đóng góp của các cựu-tù-nhân chiếm một vị-trí trung-tâm nên tôi xin tạm gọi một cách vắn tắt, gọn gàng là “văn-học H.O.”

Sự hiện diện của nền văn-học này có thể bị coi là “lạc lõng” không đối với những người thích trò thời-thượng? Xem một tạp-chí “thời-thượng” như *Hợp Lưu*, hay một website như Da Màu, Talawas, tôi chắc chắn không có nhiều bài viết về kinh-nghiệm “học tập cải tạo” kiểu CS như ta có thể tìm thấy trong những tác-phẩm vừa được nêu trên. Những người chủ-trương các tạp-chí hay website “thời-thượng” có lẽ nghĩ rằng họ chỉ cần sống với hôm nay, rằng họ đã bỏ được lại quá-khứ đằng sau lưng, bất kịp được với những ưu tư của thế-giới (như phụ-nữ-quyền, “ghê” hay “gay,” đồng-tính luyến ái, v.v.). Thực-sự không phải vậy! Thực-sự, ngay những sản-phẩm loại này vẫn cần đến lịch-sử, như ta thấy báo *Hợp Lưu* vẫn có những bài về lịch-sử cận-hiện-đại của Vũ Ngự Chiêu hay về

văn-học-sử, đôi khi rất xa xôi, của Nguyễn Phạm Hùng, Giáo-sư tại Đại-học Hà-nội. Họ chỉ kỳ nói đến những chuyện mà có thể xem là đụng chạm với chế-độ đương-thời trong lúc này để có thể “hợp lưu” trên mặt trận văn nghệ “phí-chính-trị.”

Song nếu xem được những bài như của Nguyễn Phạm Hùng về “Nam Quốc Sơn Hà” và “Phật Tống Lộ Bồ Văn” của Lý Thường Kiệt hoặc về “Dụ Chư Tỳ Tướng Hịch Văn” (còn được biết ngắn gọn hơn dưới tên “Hịch Tướng Sĩ”) của Trần Quốc Tuấn là có ứng-dụng đến cuộc sống của chúng ta ngày hôm nay thì tại sao lại phải quay lưng, tránh né những sự thực của một quá-khứ gần gũi hơn nhiều và thậm chí còn ứng vào ngay thực-tế của Việt-nam hôm nay?

Ta đọc tin hàng ngày, thấy những chuyện “chương tai, gai mắt” như xảy ra với Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Đài, Trần Khải Thanh Thủy, Nguyễn Tiến Trung, Hồ Thị Bích Khương, Lê Công Định, hay Cù Huy Hà Vũ mới đây thì thử hỏi loại tin nào, loại kinh-nghiệm nào ứng-dụng hơn đối với cuộc sống của chúng ta hôm nay: chuyện Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn hay chuyện “học tập cải tạo” của các đàn anh chúng ta?

Tôi là một con người may mắn. Suốt một đời người gần 3/4 thế-kỷ, tôi chưa bị tù tội tới một ngày chứ nói gì đến chuyện đi “mút mùa” 5-3 “tò lịch” hoặc lại còn bị kiên-giam nhiều ngày như Phan Nhật Nam hay một số tác-giả H.O. mà ta có dịp đọc. Vậy thì tại sao tôi vẫn tìm đọc đến các tác-giả như Song Nhị trong cuốn sách ra mắt hôm nay, *Nửa thế kỷ Việt Nam?*

Phải chăng vì đó là kinh-nghiệm tập-thể của một dân-tộc mà tôi là một thành-phần trong đó nên không thể tự-loại-trừ mình ra khỏi được? Nói cách khác, nếu cái vinh cái nhục của một

người Quốc-gia như anh Song Nhị cũng là cái vinh cái nhục của tôi thì cái đau, cái uất của anh sau khi mất miền Nam cũng phần nào là cái đau, cái uất của chính tôi tuy nói như người ta mô-tả trong tiếng Anh, đó là “a vicarious pleasure, a vicarious experience,” một thứ “thú đau thương” vay mượn ở kinh-nghiệm những người sống thật qua những kinh-nghiệm tù đầy đó. Để làm gì? Thừa, để hiểu hơn cái chế-độ hiện vẫn còn đang ngự-trị trên quê hương chúng ta, để thông-cảm hơn với những người hiện đang bị tù đầy như các tác-giả H.O. của chúng ta năm xưa.

Thành thử nếu một sản-phẩm như *Hợp Lưu*, *Da Màu* hay *Talawas* có quay lưng vào cái thống-khổ của dân-tộc vào lúc này, hôm nay, nghĩa là không đá động gì đến những dân oan, đến những vi-phạm nhân-quyền trắng trợn ở quê nhà, dù nhân danh cái gì đi nữa (tý-dụ, sự hòa-hợp dân-tộc), thì một người bình-thường như tôi vẫn muốn được học kinh-nghiệm của người đi trước, của người chẳng may rớt vào vòng tù tội thay cho tôi để tôi hiểu biết xã-hội, dân-tộc của tôi hơn.

Đó là lý-do tôi tìm đến đọc cuốn sách ra mắt ngày hôm nay, “bút-ký, tự-truyện” *Nửa thế kỷ Việt Nam* của tác-giả Song Nhị.

*

“Tôi đã viết và đã xóa bỏ từng dòng. Tôi đã viết và đã xóa bỏ từng trang. Tôi đã xóa bỏ nhiều lần như vậy. Một bài viết ngắn [. . .] cho tới hôm nay... đã chẵn mười năm!” Tác-giả mở đầu sách của anh như vậy. Như thế hẳn không phải là một tác-phẩm bồi bác mà là một tác-phẩm có nhiều dẫn đo, cân nhắc!

Các chuyện anh viết, “mười năm góp nhặt, suy nghĩ, dẫn đo,” sau một thời-gian bỗng “những cá biệt, tản mạn đó lại tạo nên một bố cục chặt chẽ, sống động, rất thật trên một đường trường lịch sử nửa thế kỷ Việt Nam.”

Vậy ta hãy thử xem những “cá biệt, tản mạn” của anh có những gì?

Chương đầu, “Giữa một miền quê hiền hòa,” nói về những ngày thơ ấu dễ thương của anh “trên đồng ruộng, ngồi trên lưng trâu, hai mùa lạnh buốt thấu xương, nắng cháy da người”

ở Nghệ Tĩnh. Rồi đi học, rồi yêu, nhưng phải trốn sang Lào với gia-đình sau khi chứng-kiến cuộc Cải Cách Ruộng Đất (Chương II) “long trời lở đất” ở quê nhà. Kinh-nghiệm bản-thân của tác-giả khá giới-hạn (vào chuyện mắt thấy tai nghe trong gia-đình mình, bị vu là địa-chủ, và trong xóm làng) nhưng anh đã đưa thêm được nhiều tài-liệu mới được tiết-lộ sau này để vừa có hình ảnh (của nhiếp-ảnh-gia người Nga Dmitri Baltermants) vừa có bằng-chứng bất khả đảo ngược về vai trò chính-yêu của Hồ Chí Minh trong cuộc tắm máu kinh-hoàng này với con số chính-thức lên đến 172.008 người mà đích-thực có thể đã lên đến nửa triệu hay hơn nữa.

Chương III là nói về cuộc vượt biên sang Lào, với gia-đình được sự giúp đỡ của một cựu-sĩ-quan Pathet Lao, và Chương IV cho biết về những ngày tương-đối yên lành ở Lào trước khi bị CS xâm-nhập. Đến đây, tôi phải mở ngoặc để nói là chính cá-nhân tôi cũng đã có kinh-nghiệm gặp gỡ một người ở Lào về khi tôi còn đang học đệ tam ở trường Pháp ở Sài-gòn: đó là anh bạn Nguyễn Thế Anh mà sau này trở thành một sử-gia hàng đầu của VN hiện đang ở Pháp.

Từ Chương V trở đi là cuộc sống của tác-giả và gia-đình trong một miền Nam tự do sau khi bị “trục xuất” từ Lào về. Được ăn học tử tế rồi bị lôi cuốn vào những phong trào sinh-viên bị CS lũng đoạn, tác-giả mô-tả những ngày tranh đấu không riêng gì ở Trường Đại-học Vạn Hạnh chống lại phía bên kia mà còn lan ra khắp các khoa ở Đại-học Sài-gòn. Chương này và chương sau (khoảng 50 trang) đối với riêng tôi có thể xem là hấp dẫn nhất vì thời-gian đó, tôi đang du học ở Mỹ và chỉ được nghe qua người này người khác, kể cả một số người trong cuộc như Ngô Vương Toại, Bùi Bảo Trúc, Phạm Dương Hiến, Đỗ Ngọc Yến v.v. Được cái may là ngoài chứng-từ của tác-giả Song Nhị, chúng ta gần đây còn có hồi-ký rất chi-tiết của Nguyễn Văn Lục và hồi-ký của Hoàng Xuân Sơn (đã đăng thành nhiều kỳ trong *Phố Vãn*) để đem ra bổ túc và đối-chiếu về một giai-đoạn lịch-sử, có cả máu đổ (như Ngô Vương Toại, Bùi Hồng Sĩ bị Mặt Trận bắn bị thương hay cả Lê Khắc Sinh Nhật, bị CS bắn chết) do tuổi trẻ làm nên này.

Từ đó, tác-phẩm nhảy vọt qua Chương VII (“Miền Nam, Con Lũ Nghịch Thường”) nói đến những ngày cuối cùng của miền Nam. Trong sự vội vã bỏ của chạy lấy người, người Mỹ đã quay lưng ngay cả vào “một cơ quan đầu não” là Phủ Đặc-ủy Trung-ương Tinh-bảo của VNCH. Với người cầm đầu cơ-quan, Thiếu-tướng Nguyễn Khắc Bình bỏ đi từ sớm, phút chót chỉ còn lại có ông phụ-tá Nguyễn Phút Lộc không làm được gì để cứu những người thuộc-cấp trong đó có tác-giả. Đó là uyên-nguyên của kinh-nghiệm “học tập cải tạo” sau đó của tác-giả, được mô-tả cặn kẽ với đầy đủ cả các tài-liệu như “Tài liệu phát động quần chúng” (có in lại photocopy trong sách, trang 129), rồi đến “Cuộc hội ngộ 3.000 quan chức Chính phủ VNCH tại 5 vùng ‘chiến thuật’” ở Long-thành với những ngày đầu tương-đối còn dễ chịu, rồi đến “Bản án ba năm tập trung cải tạo” (Chương VIII) với những “đợt ‘chuyên quân’ bằng máy bay ra Hà Nội,” “chuyên tàu Nam Bắc” với những “số phận lênh đênh.”

Chương IX riêng bàn về trường-hợp “Bùi Đình Thi” và chiêm-nghiệm về “nhân duyên” và “nghiệp quả” trong đó tác-giả cũng dành nhiều ngẫm nghĩ cho người đàn bà nạn-nhân khổ-sở là vợ Bùi Đình Thi.

Chương X nói về một số trại tù khá khắc-nghiệt ở miền Bắc nhưng cuộc Trung-Cộng tràn quân qua biên-giới (tháng 2/1979) đã buộc CS phải “chuyên quân” một lần nữa từ các trại tù như Nam Hà hay Công Trời về những trại như Thanh Cẩm hay Lam Sơn (tức Lý Bá Sơ “đanh bất hư truyền” đã có về mặt dã-man từ trong thời kháng-chiến chống Pháp) để rồi cuối cùng cũng được trở về Nam (Chương XIV, “Châu về Hiệp Phố”). Xen kẽ trong những trang này là nhiều kinh-nghiệm rất sống động như “Làm thơ trong tù” (Chương XI), “Biểu tình tuyệt thực,

Rừng vang tiếng hát” (Chương XII) nói lên sự bất khuất của người tù miền Nam, và “những cảnh hưởng [khác] trong tù” (Chương XIII) với đầy đủ những cảnh “hi, nô, ái, ố, dục” ghi lại với một ngòi bút khá công-minh.

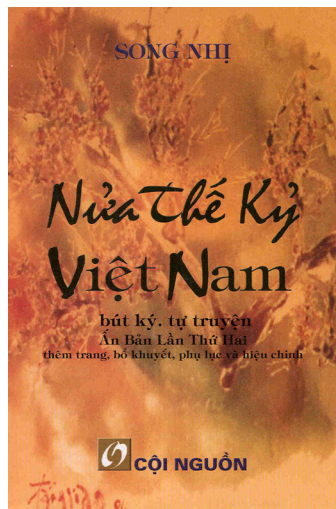
Sách cũng kết thúc bằng một số chuyện thú vị như “Nghệ sĩ Thành Được và cuộc vượt ngục tập thể FULRO” thành công, và một số gương bất khuất của người tù đáng lưu danh hậu-thế. Nhưng giá trị không nhỏ là Chương XV (“Hy vọng trong màn đêm, Ánh sáng cuối đường hầm”) là chương nói về sự vận-động của một số tổ-chức hải-ngoại mà hàng đầu là Hội Gia-đình Tù-nhân Chính-trị VN của bà Khúc Minh Thơ làm việc với những nhân-vật như Đại-sứ Robert Funseth để có chương-trình H.O. đón người cựu-tù-nhân bị trên 3 năm “tập trung cải tạo” đi Mỹ và các nước tự do khác. Sau đó, tuy có những chuyện rắc rối như “tù cửa ải đến cửa quyền” (Chương XVI) xong rồi cũng đi được.

Phụ-lục của sách còn mang một hồ-sơ thật đầy đủ với tài-liệu và hình ảnh mà tác-giả thu thập được để cho mai này ai muốn xuyên-tạc về chương-trình đón cựu-tù-nhân chính-trị của CSVN sang Mỹ cũng không thể dễ dàng

phủ-nhận.

Xuyên suốt cuốn sách là một thái-độ rất thận trọng nhưng không kém phần tự-trọng nói lên được tất cả cái hào-hùng của một quân-đội tuy ngã ngựa và chịu nhiều đầy ải song không bao giờ mất đi cái tính người và tình người của một quân ngũ có ăn học và đã từng biết thế nào là tự do.

Cảm-tưởng phát biểu tại buổi ra mắt
Ngày 13 tháng 11, 2010
James Lee Community Center, Falls Church, VA



Vài Hình Ảnh Trong Buổi Ra Mắt Sách
NỬA THẾ KỶ VIỆT NAM của Nhà văn **SONG NHỊ**,
Ngày 13 tháng 11, 2010 tại James Lee Community Center, Falls Church, VA.



Từ trái : Thư Họa Sĩ Vũ Hối, Văn Thi sĩ Song Nhị, Thi sĩ Phan Khâm, Thi sĩ Đăng Nguyên,
Nhạc sĩ Vĩnh Điện, Nhân sĩ Hàn Phong Cao, Thi sĩ Cao Nguyên, Nhân sĩ Quang Lê,
Giáo sư Trần Thanh Hiệp, Biên khảo gia Nguyễn Ngọc Bích, Giáo sư Đào Thị Hợi,
Mina Nguyễn, Nghệ sĩ Hoàng Bạch Mai, Phóng viên Thanh Trúc, Ca sĩ Sỹ Tuấn,
Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, Thu Nguyễn, Nhà văn Phong Thu, Nhà thơ Lâm Thuý,
Nhà văn Cung Thị Lan.

TÔI ĐÃ KHÓC

Tôi đã khóc từ khi rời lòng mẹ
Sợ hay mừng đời đã tiếp nhận tôi
Và từ đó một hình hài nhỏ bé
Lớn khôn dần ngọt sữa mẹ thơm môi

Tôi đã khóc mẹ dãi dầu cơ cực
Vì cha còn nặng nợ bước chinh nhân
Nghĩa hy sinh trong tim người thấm rức
Dưỡng dục con còn lận đận nuôi chồng

Tôi đã khóc mẹ ra đi vĩnh viễn
Bởi giặc về cày nát xóm thôn
Những đạn pháo vô tình gây tai biến
Người đón đau quần quai trút linh hồn

Tôi đã khóc tối ba mươi hôm đó
Tháng tư buồn vụn vỡ bảy mươi lăm
Những con tàu vượt trùng dương sóng gió
Chờ bao người mang thống khổ hờn căm

Tôi đã khóc được tin anh ngã gục
Trong trại giam cải tạo tận Miền Trung
Muội mấy năm, niềm tin không rã mục
Chí kiên cường khó lay động chuyển rung

Tôi đã khóc cảnh quê nhà điêu đứng
Mỗi địa danh mang chiến sử oai hùng
Đã bao đời ông cha ta gầy dựng
Nay còn chẳng những hoang phế tàn vong

Tôi đã khóc suốt quãng đời lưu lạc
Khóc cho người và khóc cả cho tôi
Bao tang tóc, bao lầm than dân tộc
Đoạn trường này còn khóc mãi khôn nguôi

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

I HAVE CRIED

I began to cry on coming into this world here,
When life received me, anyhow for joy or for fear;
And thenceforth a small shape, this, has through skips
Grown up out of Mom's sweet milk and scented lips.

I wept witnessing my Mom so poor and miserable
While my Dad was doing his soldier's duty venerable.
Her sense of sacrifice she kept her heart warm to arouse,
Bringing up their kids and also catering to her spouse.

I then had to moan when my Mom passed away
As the enemy came to hamlets destroy and people slay,
The insensible bullets and shells to human bodies sever:
How she writhed in agony to part from us for ever.

I also sobbed that night, defeated by the hostile drive,
Of the broken April thirtieth, nineteen seventy five.
The frail boats crossed the windy and wavy ocean
To carry those souls with resentment-filled emotion.

I again mourned for my brother who deceased
In the Central Region's prison, ill-treated like a beast;
Over ten odd years his belief had become perpetuation,
Thus had not been shaken by the adverse situation.

I have lamented seeing our homeland distressed,
Each place-name a majestic feat - They are so blessed.
Thru many generations our ancestors' proud display
Now remains, alas! if not decline, mere decay!

I have bewailed all my adrift life - For them, for you,
I have cried for my compatriots and for myself too.
Deaths and grief aim at our people's heart to rend,
In this poor plight I might continue to cry without end.

Translation by

THANH-THANH